

NHẬP MÔN CHỨNG KHOÁN

Trọn bộ kiến thức hữu ích dành cho
Nhà đầu tư mới

Trải nghiệm ngay ứng dụng **ABS INVEST** -
Ứng dụng giao dịch Cổ phiếu tốt nhất Việt nam 2023
vinh danh bởi Global Business Outlook :

- Mở tài khoản đầu tư Online chỉ 1 phút
 - Sinh lời tối ưu sau 1 đêm
- Xây dựng thói quen cập nhật kiến thức đầu tư mỗi ngày



MỤC LỤC

<u>1. GIỚI THIỆU SẢN PHẨM TÀI CHÍNH</u>	4
<u>2. NHẬP MÔN CHỨNG KHOÁN</u>	13
<u>3. PHÂN TÍCH CƠ BẢN</u>	28
<u>4. PHÂN TÍCH KỸ THUẬT</u>	53

1. GIỚI THIỆU SẢN PHẨM TÀI CHÍNH

Trong tài liệu này, ABS sẽ giới thiệu với các nhà đầu tư **4 SẢN PHẨM TÀI CHÍNH** phổ biến nhất trong thị trường tài chính, gồm có:

1. Cổ phiếu

4. Quỹ hoán đổi danh mục - ETF

2. Trái phiếu

3. Phái sinh

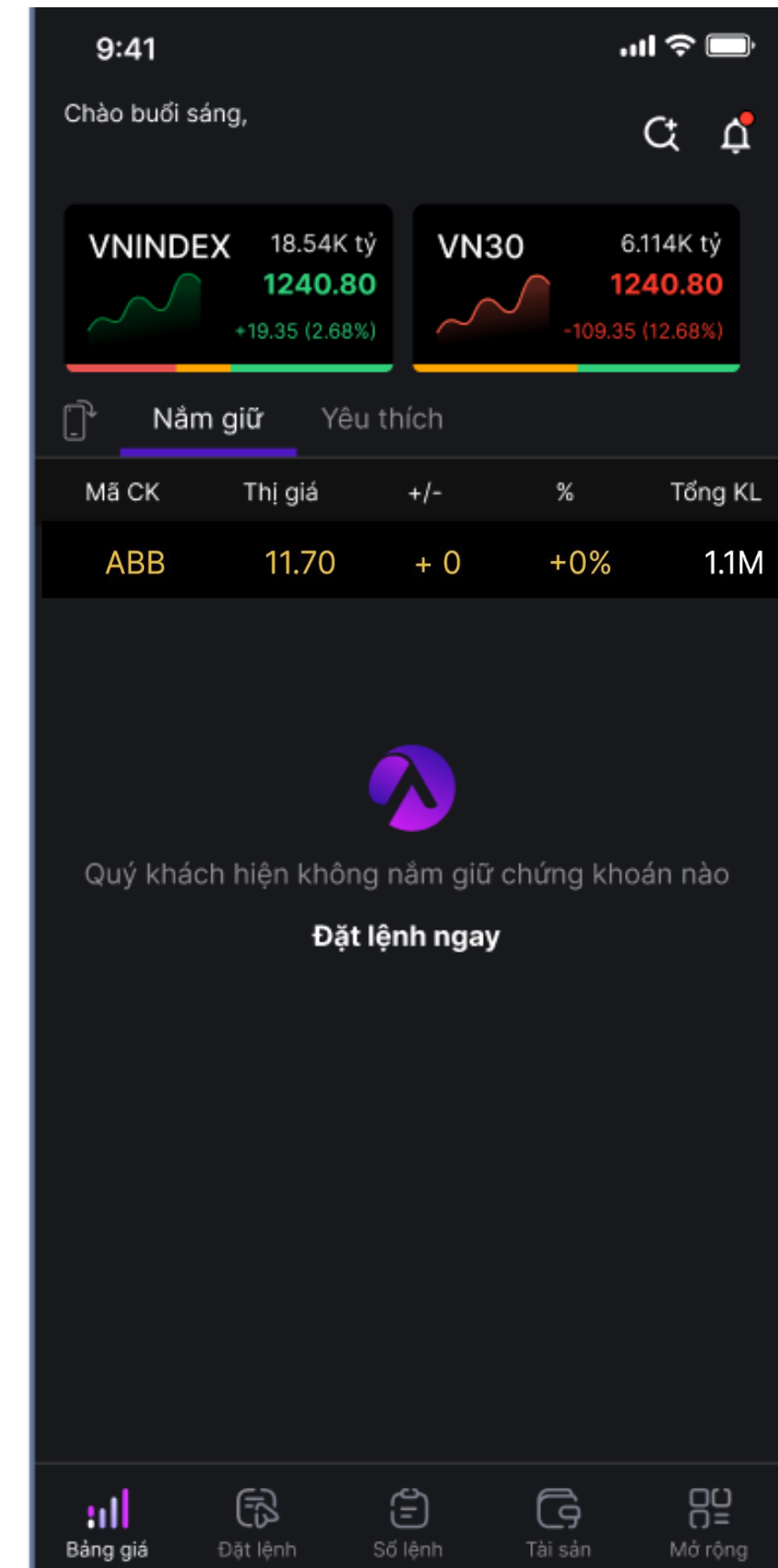
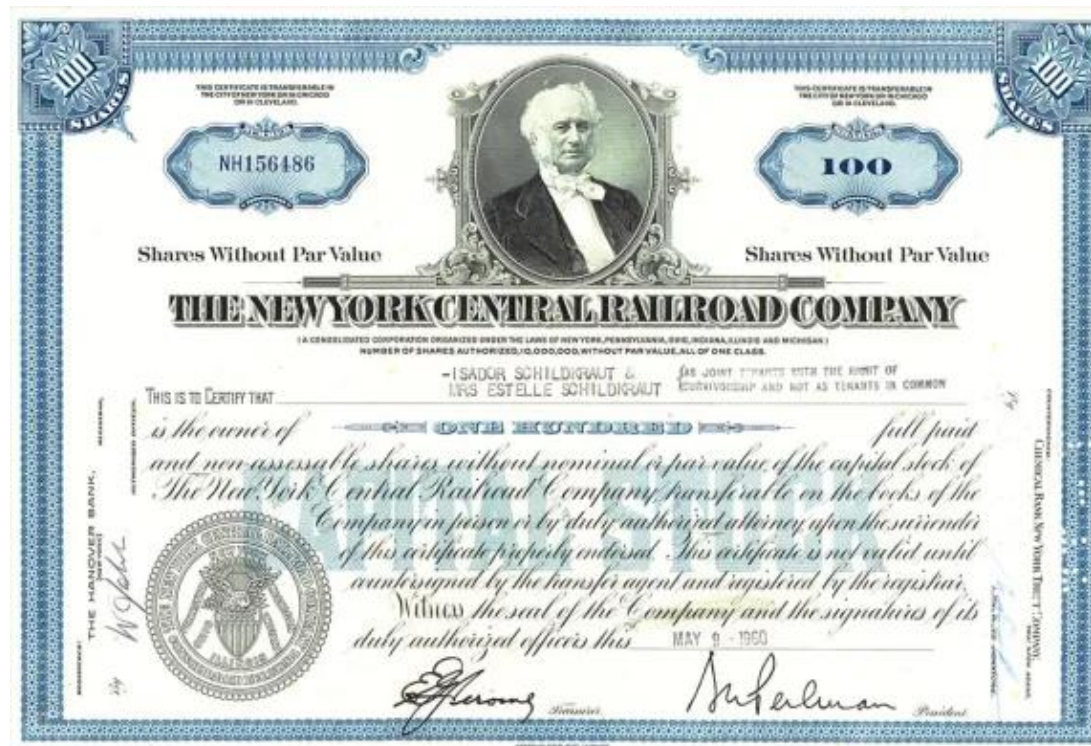
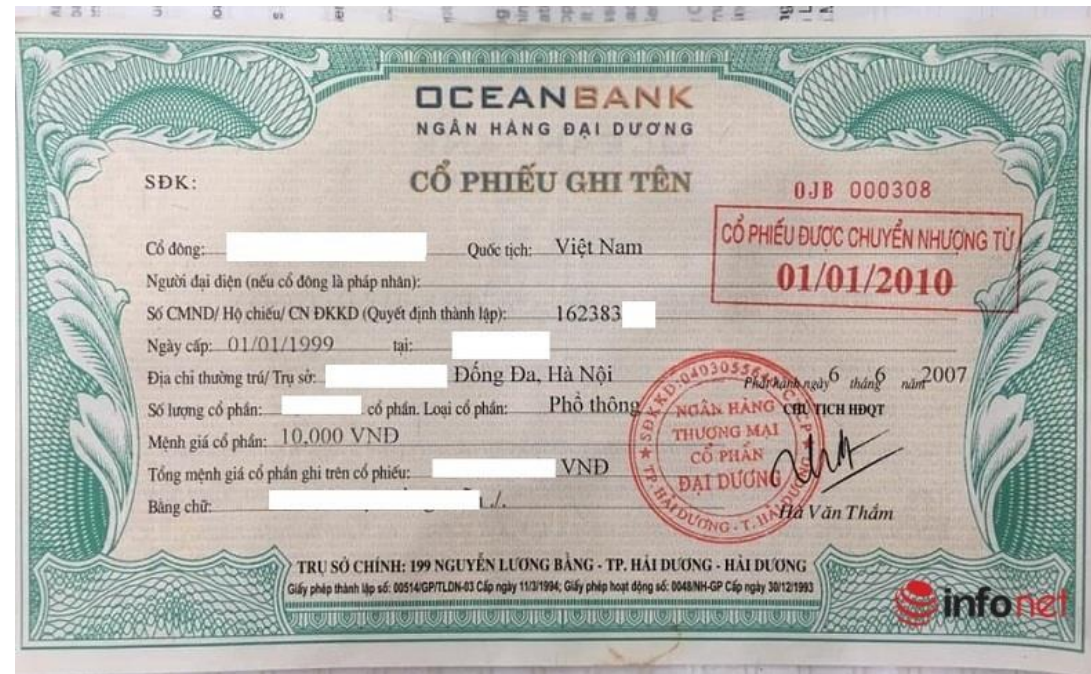
1. CỔ PHIẾU LÀ GÌ

Là chứng nhận quyền sở hữu một lượng cổ phần nhất định trong công ty phát hành của người nắm giữ nó.

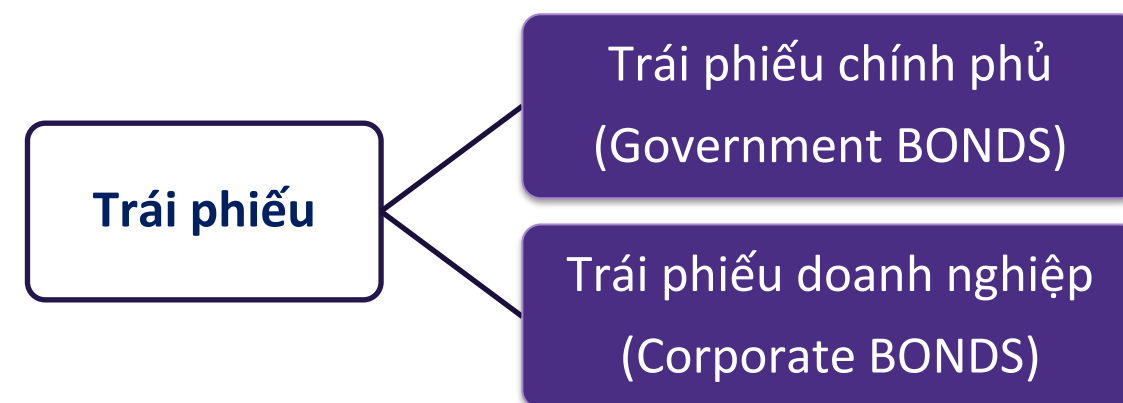
Ví dụ: Công ty VNM có tổng lượng cổ phiếu phát hành là 100 cổ phiếu. Nếu bạn sở hữu 01 cổ phiếu VNM thì tức bạn là chủ sở hữu 1% công ty công ty VNM. Nếu bạn sở hữu 51 cổ phiếu VNM, tức là bạn là người sở hữu 51% công ty này. Với 51% cổ phần, gần như bạn đã có quyền kiểm soát công ty.

Phân biệt cổ phiếu và cổ phần?

Đọc kỹ lại đoạn trên. Bạn sở hữu 51 cổ phiếu VNM tức là bạn sở hữu 51% cổ phần VNM. **Lượng (tức số lượng) cổ phiếu và % cổ phần.**



- **Trái phiếu** là công cụ tài chính cho phép chính phủ, công ty và các nhà phát hành (hay còn gọi là trái chủ) khác **vay tiền** từ nhà đầu tư (người mua trái phiếu).
- Người phát hành trái phiếu có nghĩa vụ (contractual obligation) trả cho nhà đầu tư một khoản tiền xác định vào một ngày xác định. Khoản tiền này bao gồm **LÃI** và **TIỀN GỐC** vào cuối kỳ.

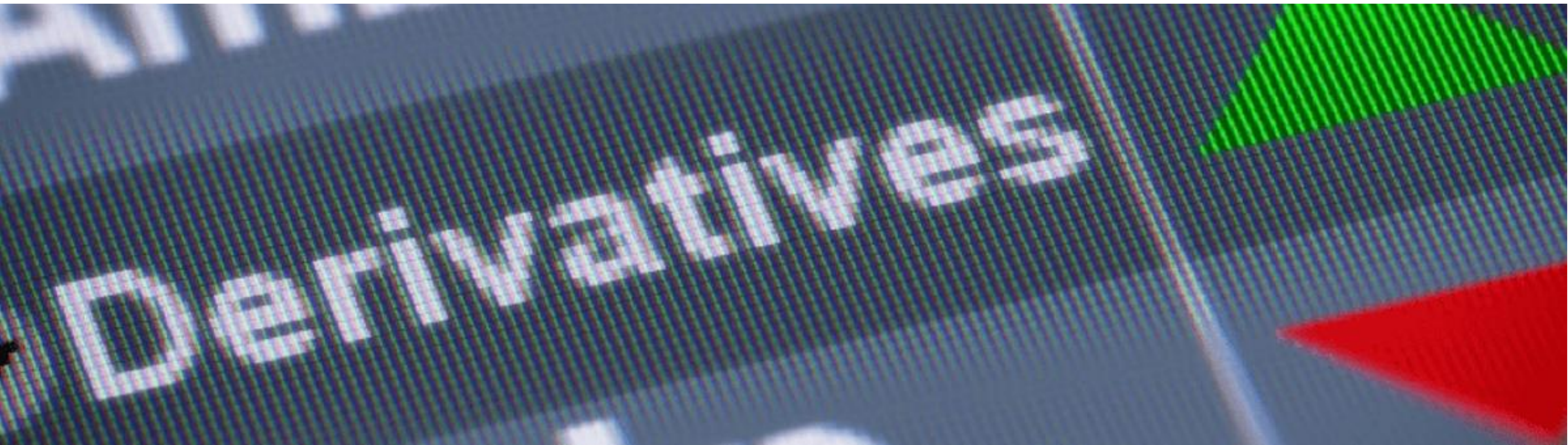


Trái phiếu chính phủ giao dịch tập trung tại Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), đối tượng tham gia chính của thị trường này là các tổ chức.



- Phát hành bởi chính phủ/các chính quyền địa phương
- Được coi là loại trái phiếu “an toàn nhất”.
- Tỷ suất lợi nhuận không cao bằng Trái phiếu doanh nghiệp

- Trong giao dịch kinh tế, **phái sinh** (tiếng Anh: *derivative*) là một dạng hợp đồng dựa trên giá trị của các tài sản cơ sở khác nhau như tài sản, chỉ số, lãi suất hay cổ phiếu (giấy tờ có giá) – bản thân nó không có giá trị nội tại.
- Công cụ phái sinh có thể được sử dụng với nhiều mục đích bao gồm: phòng vệ, đầu cơ, tiếp cận với các tài sản hoặc thị trường khó giao dịch.
- Các giao dịch phái sinh thông thường trên thế giới bao gồm: giao dịch các nghiệp vụ nợ thế chấp và hoán đổi rủi ro tín dụng, các giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi, giao dịch quyền chọn, giao dịch trần sàn (collar), và các sản phẩm cấu trúc.



Hợp đồng tương lai chỉ số VN30

	CK	Ngày ĐH	Phiên	OI	Trần	Sàn	TC
★	VN30F2208	18/08/2022	C	48,509	1,369.7	1,190.5	1,280.1
★	VN30F2209	15/09/2022	C	2,878	1,362.7	1,184.5	1,273.6
★	VN30F2212	15/12/2022	C	400	1,353.1	1,176.1	1,264.6
★	VN30F2303	16/03/2023	C	430	1,345.9	1,169.9	1,257.9

Là thỏa thuận giữa bên mua và bên bán về một giao dịch diễn ra trong tương lai với mức giá được xác định trước. Ở đây mức giá được xác định trước là chỉ số VN30

Chứng quyền (Covered Warrant)

	CK	TCPH	GDCC	Trần	Sàn	TC	Giá 3	KL 3
★	CACB2201	HSC	16/09/2022	0.72	0.01	0.19	0.14	17,700
★	CACB2203	MBS	17/10/2022	1.40	0.01	0.70	0.25	100
★	CACB2204	HSC	03/11/2022	2.35	0.23	1.29	1.26	1,000
★	CFPT2201	HSC	16/09/2022	1.71	0.01	0.81	0.93	49,500
★	CFPT2204	MBS	05/12/2022	2.07	0.63	1.35	1.47	11,600

Là sản phẩm do công ty chứng khoán phát hành và được niêm yết trên sàn chứng khoán có mã giao dịch riêng và có hoạt động giao dịch tương tự như chứng khoán cơ sở. Công ty chứng khoán được phát hành CW là công ty được UBCK nhà nước cấp phép.

Luôn gắn liền với 1 mã chứng khoán cơ sở để làm căn cứ tham chiếu xác định lãi/lỗ.

ETF là tên viết tắt của **Exchange Traded Fund** tức là quỹ hoán đổi danh mục. Đây là một quỹ đầu tư được thành lập trên cơ sở mô phỏng tỷ suất lợi nhuận của các chỉ số cổ phiếu, trái phiếu hoặc một loại tài sản, hàng hóa nào đó như giá vàng, giá dầu, tỷ giá hối đoái, chỉ số VN30,...

Có 3 loại quỹ phổ biến nhất:

- **Quỹ ETF cổ phiếu**

Đây là quỹ đầu tư mô phỏng biến động của các bộ chỉ số cổ phiếu trên thị trường chứng khoán như chỉ số VN100, chỉ số VN30, chỉ số S&P 500...

- **Quỹ ETF trái phiếu**

Tương tự như quỹ ETF cổ phiếu thì quỹ ETF trái phiếu là loại quỹ mô phỏng những biến động của các bộ chỉ số trái phiếu như: trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp, các trái phiếu có khả năng sinh lời cao...

- **Quỹ ETF theo ngành**

Là loại quỹ mô phỏng biến động của một ngành hoặc một lĩnh vực sản xuất cụ thể nào đó. Ví dụ như ngành công nghiệp ô tô, công nghệ thực phẩm, nông nghiệp.... hoặc của một loại hàng hóa.

4. QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC - ETF

Ví dụ: Top 10 cổ phiếu lớn trong danh mục của quỹ MFMVN Diamond

Top các quỹ ETF lớn ở Việt Nam:

- Quỹ FTSE Vietnam Index ETF
- Quỹ ETF VFMVN30
- Quỹ ETF MFMVN Diamond
- Quỹ VanEck Vectors Vietnam ETF
- Quỹ SSIAM ETF

Cổ phiếu	Số lượng	Giá trị	Tỷ trọng NAV (%)
FPT	31.634.434	2.641,0	15,2
MW G	42.621.640	2.600,0	14,9
PNJ	22.517.228	2.567,0	14,8
REE	20.365.584	1.531,0	8,8
TCB	39.222.200	1.487,0	8,5
ACB	53.448.216	1.315,0	7,6
VPB	42.100.211	1.208,0	6,9
MBB	40.491.934	1.039,0	6,0
MSB	23.196.306	431,0	2,5
TPB	15.422.425	410,0	2,4
Tổng cộng			87,6

“Mỗi loại sản phẩm tài chính đều đem lại mức tỷ suất lợi nhuận cũng như ẩn chứa mức rủi ro tiềm tàng khác nhau. Nhà đầu tư cần có chiến lược giao dịch cũng như xây dựng danh mục đầu tư cân bằng nhất để có thể nếu muốn chiến thắng thị trường”

2. NHẬP MÔN CHỨNG KHOÁN



Lịch sử hình thành TTCK

Thế giới & Việt Nam

Lịch sử hình thành TTCK

Thế giới

1600s

Công ty Đông Ấn Hà Lan

Cổ phiếu ra đời dưới dạng giấy viết tay xác nhận khoản tiền góp của người dân cho các chuyến đi giao thương của công ty

Sàn GDCK đầu tiên thành lập

Sở GDCK Amsterdam là sàn giao dịch chứng khoán đầu tiên trên thế giới

1602

Sở GDCK New York (NYSE) thành lập

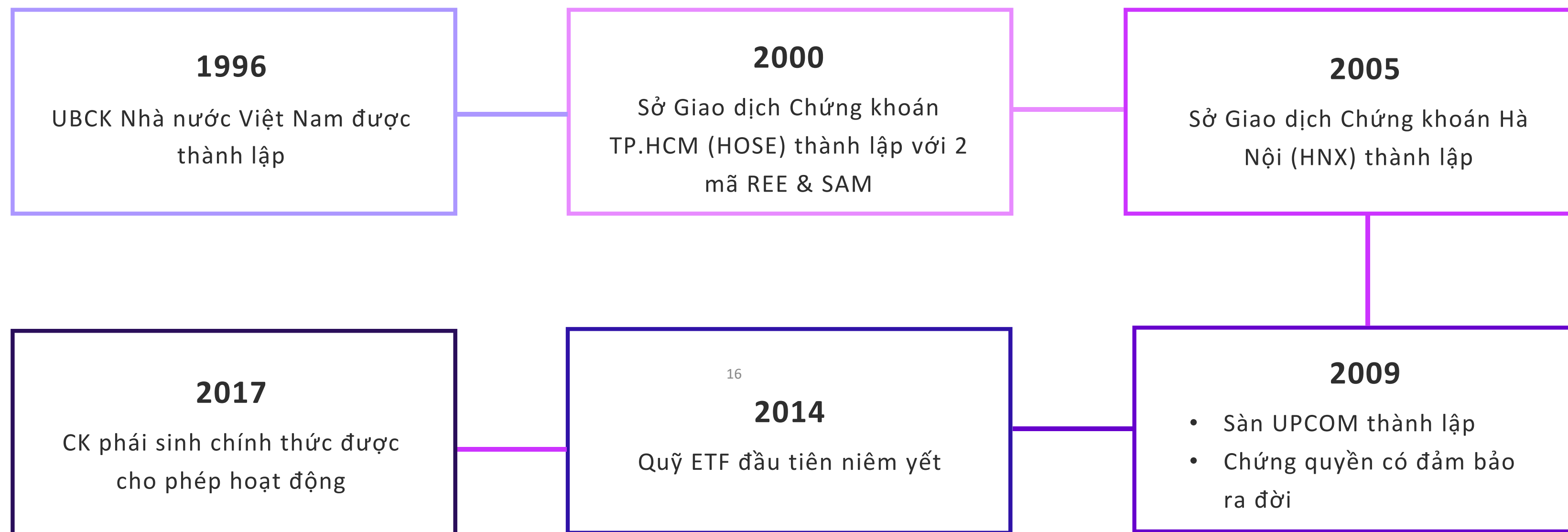
NYSE là một trong những sàn chứng khoán nổi tiếng nhất trên thế giới

1792

Sở GDCK Tokyo thành lập

Sàn GDCK đầu tiên tại châu Á, vốn hóa thị trường hiện tại trên 4000 tỷ đô

1949





Các khái niệm cơ bản

CỔ PHIẾU

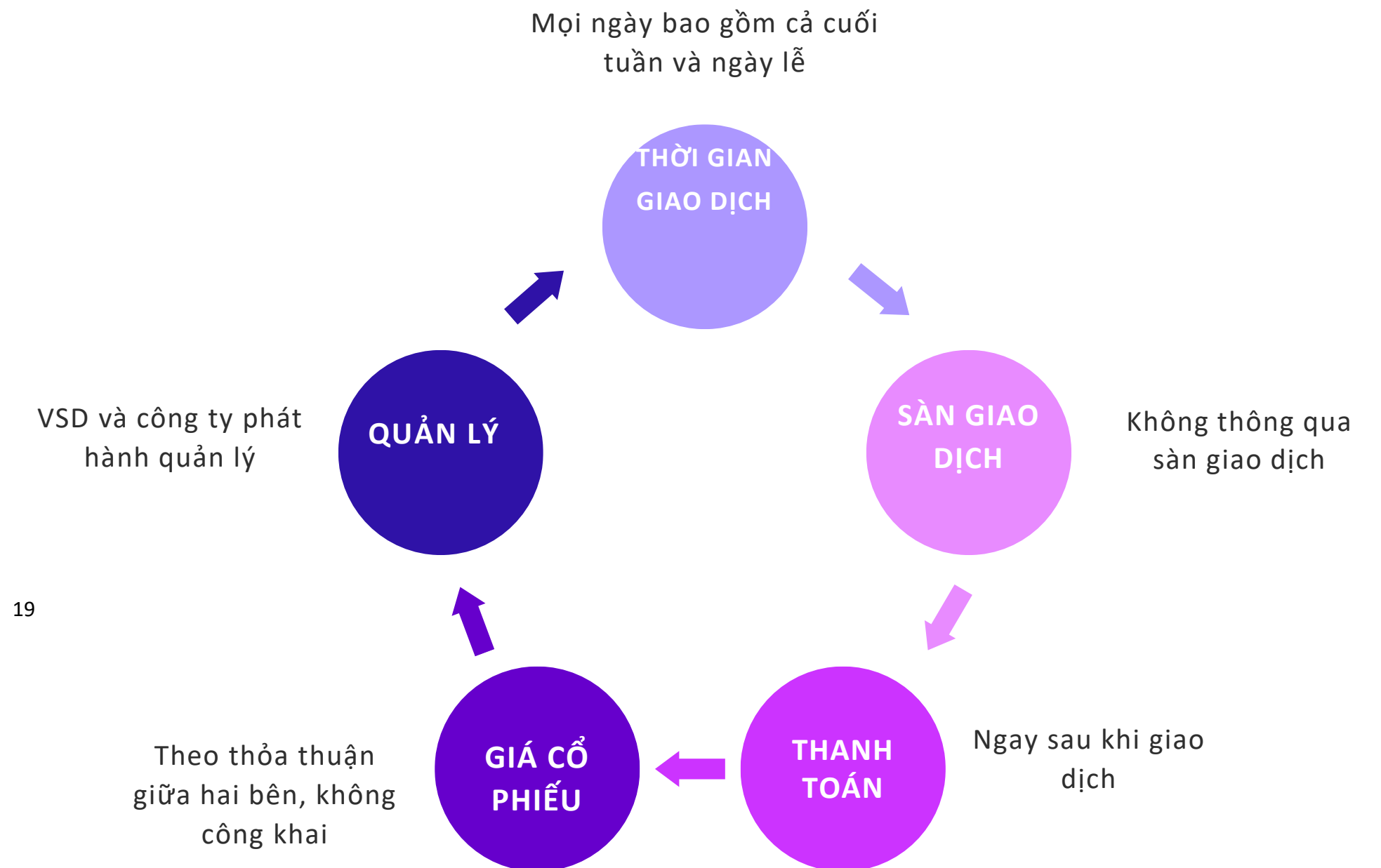
Là chứng khoán (đa phần hiện nay ở dạng dữ liệu điện tử được giao dịch trên sàn chứng khoán), xác nhận quyền sở hữu một lượng cổ phần nhất định của nhà đầu tư trong công ty phát hành. Chỉ có công ty cổ phần mới có quyền phát hành cổ phiếu.

Đặc điểm của cổ phiếu OTC

OTC là viết tắt của "*Over The Counter*", là những cổ phiếu chưa niêm yết, được giao dịch trên quầy không chính thức của các công ty phát hành cổ phiếu, các ngân hàng hay các công ty chứng khoán.

Có hai dạng cổ phiếu:

- **Cổ phiếu có mã lưu ký:** được quản lý bởi Trung tâm Lưu ký chứng khoán (VSD).
- **Cổ phiếu chưa có mã lưu ký:** được quản lý bởi Phòng Quản lý cổ đông của chính công ty phát hành, hoặc Công ty chứng khoán giữ sổ cổ đông.

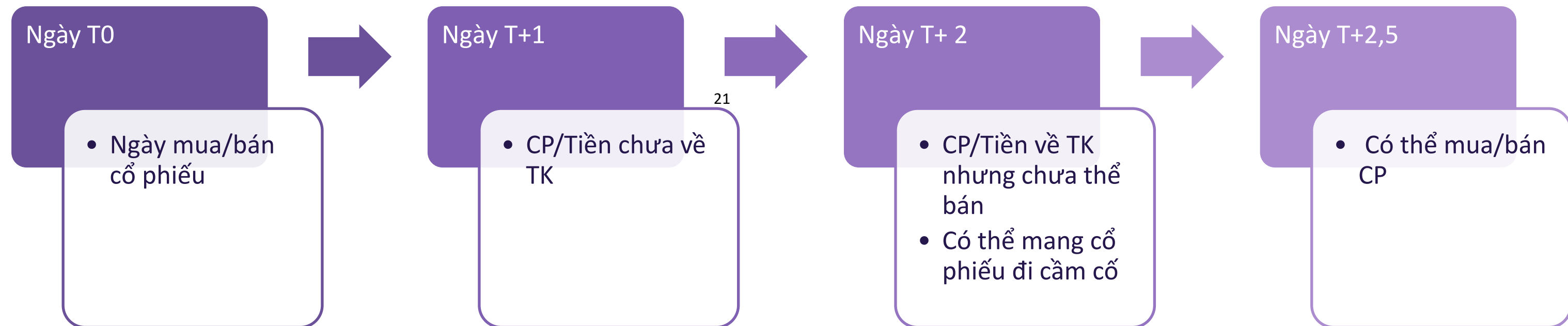


THỜI GIAN GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN 3 SÀN VÀ CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH							
	8H45-9H00	9H00-9H15	9H15-11H30	11H30-13H00	13H00-14H30	14H30-14H45	14H45-15H
CKPS	Phiên định kỳ mở cửa Lệnh LO/ATO	Phiên khớp lệnh liên tục Lệnh LO/MP		Nghỉ trưa 20	Phiên khớp lệnh liên tục Lệnh LO/MP	Phiên định kỳ đóng cửa Lệnh LO/ATC	Hết giờ
HOSE	Chưa mở cửa	Phiên định kỳ mở cửa Lệnh LO/ATO	Phiên khớp lệnh liên tục Lệnh LO/MP		Phiên khớp lệnh liên tục Lệnh LO/MP	Phiên định kỳ đóng cửa Lệnh LO/ATC	
HNX		Phiên khớp lệnh liên tục Lệnh LO/MTL/MOK/MAK			Phiên khớp lệnh liên tục Lệnh LO/MTL/MOK/MAK	Phiên định kỳ đóng cửa Lệnh LO/ATC	Phiên sau giờ Lệnh PLO
UPCOM		Phiên khớp lệnh liên tục Lệnh LO			Phiên khớp lệnh liên tục Lệnh LO		

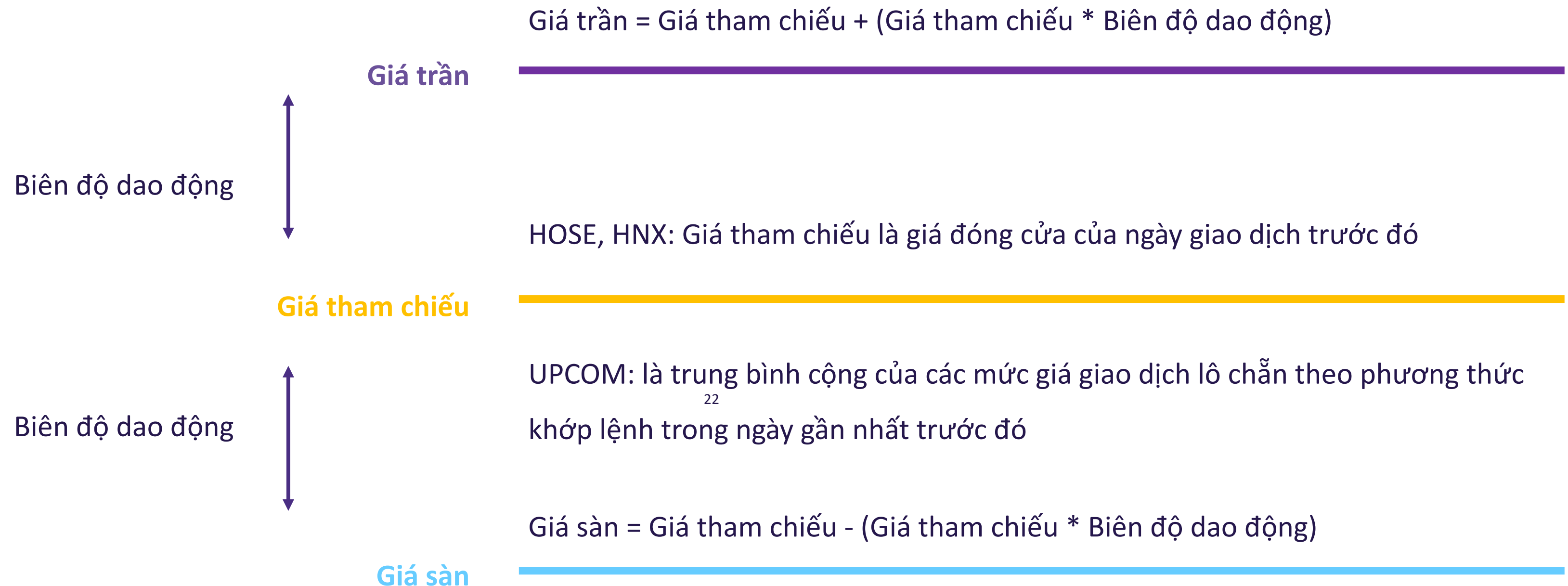
Nguyên tắc khớp lệnh

- **Ưu tiên về giá:** “Mua cao, bán thấp”
- **Ưu tiên về thời gian:** “Lệnh vào trước, khớp trước”

Ngày giao dịch T+ (trừ ngày lễ và T7, CN)



➤ CÁCH TÍNH GIÁ THAM CHIẾU, GIÁ TRẦN, GIÁ SÀN

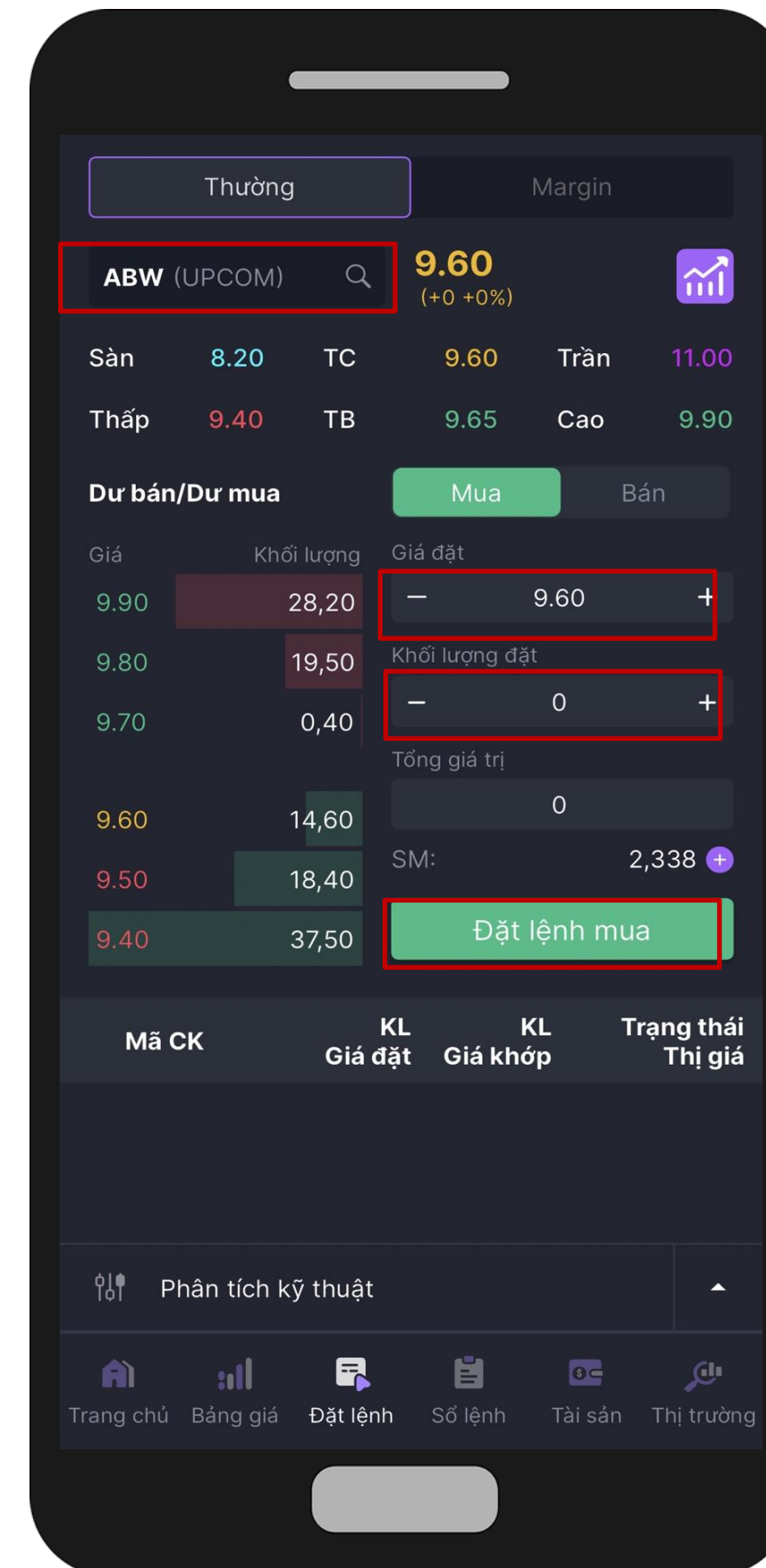


	HOSE	HNX	UPCOM
Trong ngày GD đầu tiên	± 20%	± 30%	± 40%
Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ sau ngày GD đầu tiên	± 7%	± 10%	± 15%
Đối với TH trả cổ tức/ thưởng bằng cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu trong ngày GD không hưởng quyền	Không quy định ²³	± 30%	Không quy định

➤ HƯỚNG DẪN ĐẶT LỆNH VÀ CÁC KÊNH ĐẶT LỆNH

a. Kênh Mobile – Ứng dụng ABS Invest

- Giao diện dễ dùng, thuận tiện cho việc giao dịch.
- Đặt lệnh nhanh dựa trên nền tảng công nghệ native app và tính năng tự động điền mã, giá và khối lượng.
- Cập nhật dữ liệu thị trường và danh mục đầu tư nhanh chóng, chính xác.
- Mở tài khoản Online chỉ trong 1 phút. Tải App trải nghiệm ngay:



Nhập mã mua/bán

Giá muốn mua/bán

Khối lượng muốn mua/bán

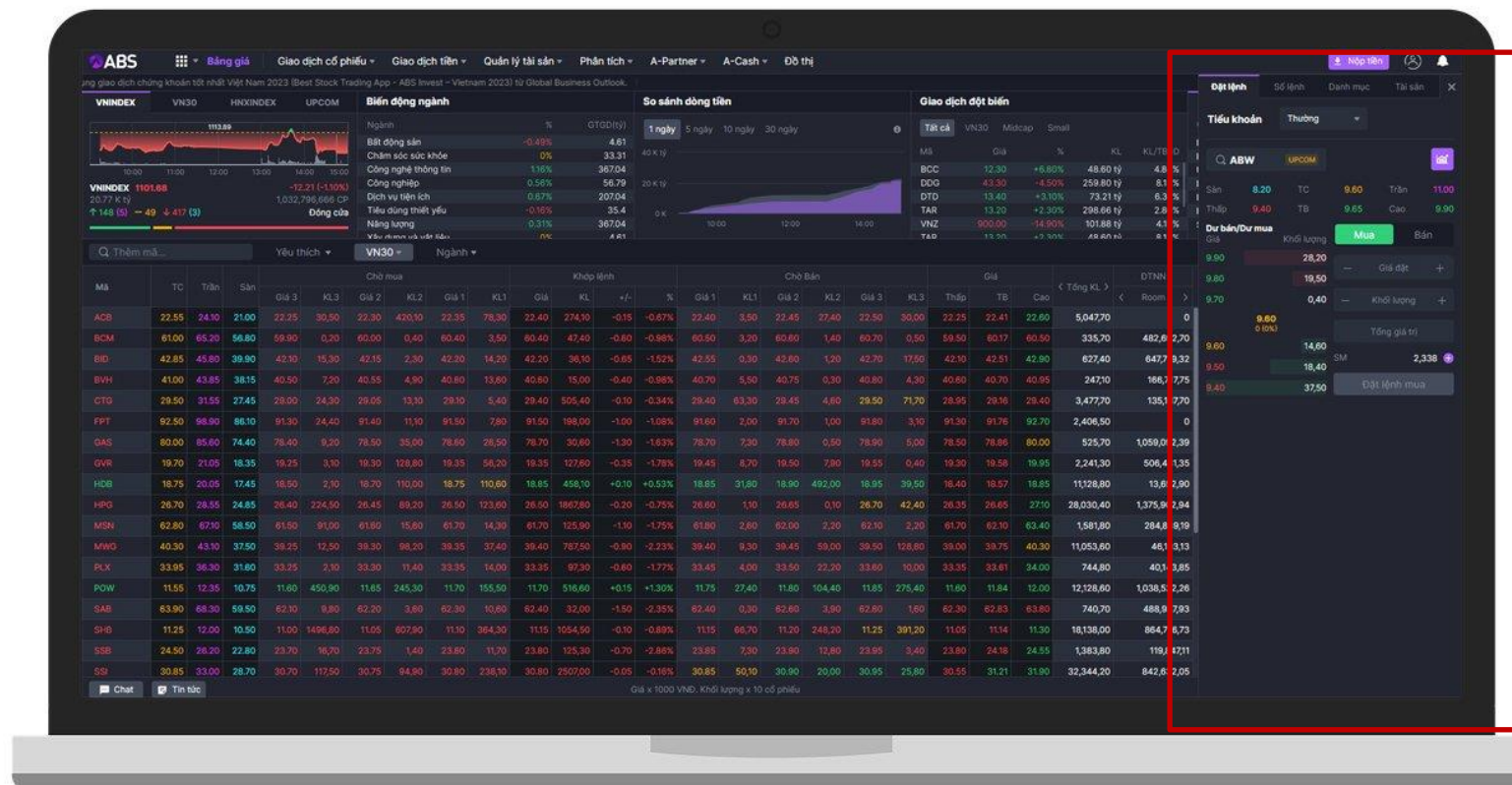
Đặt lệnh mua/bán

Hướng dẫn đặt lệnh trên màn hình Ứng dụng ABS Invest

• HƯỚNG DẪN ĐẶT LỆNH VÀ CÁC KÊNH ĐẶT LỆNH

b. Kênh Website: <https://invest.abs.vn/priceboard>

- Đặt lệnh dễ dàng, thuận tiện khi theo dõi thông tin bảng giá cùng lúc, hỗ trợ nhà đầu tư đưa ra quyết định đầu tư hiệu quả.
- Đồ thị trực quan và dữ liệu cập nhật nhanh, chớp cơ hội đầu tư đúng thời điểm.
- Tích hợp đầy đủ thông tin về thị trường, giao dịch, quản lý tài sản ngay trong một nền tảng.



The screenshot shows the 'Đặt lệnh' (Place Order) form on the ABS website. The form has a top bar with tabs for 'Đặt lệnh', 'Số lệnh', 'Danh mục', and 'Tài sản'. Below the tabs, there is a search bar with 'ABW' and 'UPCOM' entered. The form is divided into two main sections: 'Sàn' (Exchange) and 'Thấp' (Low). The 'Sàn' section has a table with columns for 'Sàn', 'Giá', 'TC', 'TB', 'Trần', and 'Cao'. The 'Thấp' section has a table with columns for 'Thấp', 'Giá', 'TB', 'Cao', and 'Cao'. The 'Đặt lệnh' section has a table with columns for 'Giá', 'Khối lượng', and 'Đặt lệnh'. The form also includes a 'Mua' button and a 'Bán' button.

Nhập mã mua/bán

Giá muốn mua/bán

Khối lượng muốn mua/bán

Đặt lệnh mua/bán

Hướng dẫn đặt lệnh trên Website giao dịch ABS

Đầu tư giá trị

- Lựa chọn cổ phiếu có giá trị nội tại cao hơn thị giá cổ phiếu.
- Những cổ phiếu có P/E thấp hơn các cổ phiếu tương quan.
- Các đại diện nổi tiếng: Benjamin Graham, Warren Buffett.

Đầu tư tăng trưởng

- Tương tự như trường phái đầu tư giá trị nhưng nhà đầu tư chấp nhận cả những cổ phiếu có P/E cao, đặc biệt là các cổ phiếu có tốc độ tăng trưởng cao.
- Các đại diện nổi tiếng: Philip Fisher, William O'Neil (phương pháp CANSLIM).

4 trường phái đầu tư phổ biến nhất hiện nay

Đầu tư theo phân tích kỹ thuật

- Sử dụng chart, các chỉ số kỹ thuật, khối lượng và giá nhằm phân tích tâm lý thị trường, biến động cung – cầu của cổ phiếu để đưa ra các quyết định mua/bán cổ phiếu.
- Các đại diện nổi tiếng: Richard Wyckoff, Jesse Livermore.

Đầu tư theo dòng tiền thông minh

- Các nhà đầu tư F0 thường có xu hướng đầu tư theo cách nghe ngóng thông tin từ các quỹ lớn/khối ngoại hoặc các “cá mập” nhằm thu lợi ngắn hạn từ việc trading theo họ.
- Rủi ro của phương pháp này thường rất lớn do dễ bị sai lệch thông tin.

➤ **MỘT SỐ TỪ LÓNG TRONG CHỨNG KHOÁN**

- **Khối ngoại – Tây:** Nhà đầu tư nước ngoài (cá nhân hoặc tổ chức).
- **Khối nội – Khoai lang:** Nhà đầu tư trong nước đầu tư mang tính đám đông, không phân tích kỹ trước khi ra quyết định mua bán.
- **Chim lợn:** Những người loan tin xấu chưa xác thực về thị trường. Nhóm người này thường hô hào trên các kênh truyền thông và mạng xã hội nhằm mục đích khiến số đông mua với giá cao và bán với giá thấp.
- **Bìm bịp:** Những người loan tin tốt để mua cổ phiếu giá cao.
- **Cởi trần:** Thị trường, chứng khoán nào đó đi lên đến mức chạm trần.
- **Tụt quần:** Thị trường, chứng khoán nào đấy đi xuống.
- **Múa bên trắng:** Giá cổ phiếu giảm kịch biên độ nhưng không ai mua (đọc lái của trắng bên mua).
- **Sọc (Short) hàng:** Việc bán khống (short sell). Tức là mượn cổ phiếu không có trong tài khoản để bán sau đó mua để hoàn trả lại.
Cụm từ này cũng dùng để chỉ việc đầu cơ giá xuống vì dự báo thị trường/chứng khoán sắp sụt giảm.
- **Úp sọt/Úp bồ/Kéo xả:** Bẫy chứng khoán đẩy thị trường lên và sau đó bán ra.

3. PHÂN TÍCH CƠ BẢN

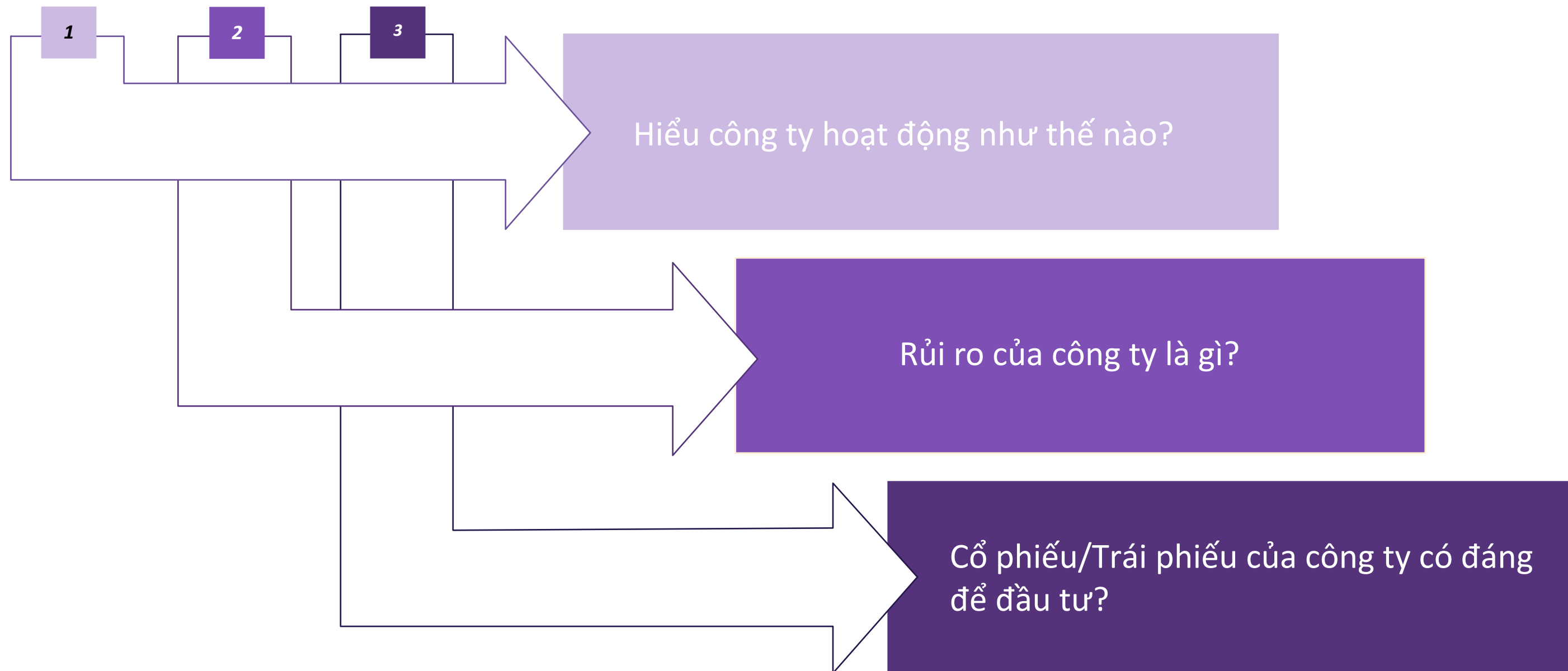
Nội dung

<u>3.1. MỤC ĐÍCH PHÂN TÍCH CÔNG TY</u>	30
<u>3.2. CÁC BƯỚC THỰC HIỆN</u>	31
<u>3.3. GIỚI THIỆU CÔNG TY</u>	32
<u>3.4. PHÂN TÍCH CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ BAN LÃNH ĐẠO</u>	34
<u>3.5. PHÂN TÍCH CẤU TRÚC CÔNG TY</u>	36
<u>3.6. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH KINH DOANH</u>	37
<u>3.7. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</u>	41
<u>3.8. CÁC CHỈ TIÊU ĐỊNH GIÁ</u>	46
<u>3.9. KẾT LUẬN</u>	50

3.1. MỤC ĐÍCH PHÂN TÍCH CÔNG TY



Tăng hiệu quả đầu tư, hạn chế rủi ro mất vốn





Case study: Công ty Cổ phần FPT – FPT (HOSE)

» 3.3. GIỚI THIỆU CÔNG TY – VỊ THẾ DOANH NGHIỆP

Công ty công nghệ vị thế hàng đầu Việt Nam. FPT hoạt động trong 3 lĩnh vực gồm công nghệ, viễn thông và giáo dục. Hiện tại FPT sở hữu hạ tầng viễn thông phủ khắp 59/63 tỉnh thành và không ngừng mở rộng hoạt động trên thị trường toàn cầu với 179 văn phòng tại 27 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Công nghệ

Vị thế trên thị trường



Công ty tư vấn chuyển đổi số tổng thể và toàn diện đẳng cấp.



Một trong những công ty dịch vụ công nghệ thông tin hàng đầu thế giới.



Công ty tích hợp hệ thống, cung cấp giải pháp hàng đầu Việt Nam và khu vực.



Nền tảng ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI và Dịch vụ lưu trữ đám mây đẳng cấp thế giới.



Nền tảng quản trị doanh nghiệp phổ biến nhất tại Việt Nam.

Viễn thông

Vị thế trên thị trường



Một trong những nhà cung cấp dịch vụ Viễn thông và Internet hàng đầu khu vực.



Dẫn đầu xu hướng công nghệ quảng cáo, kiến tạo hệ sinh thái truyền thông số hàng đầu.

04

Trung tâm dữ liệu

3.000

Gpbs

Dung lượng băng thông quốc tế

50+

Triệu người dùng toàn cầu

Giáo dục

Vị thế trên thị trường



Hệ thống giáo dục mang tính quốc tế, đáp ứng nhu cầu của xã hội và dựa trên các công nghệ đào tạo tiên tiến nhất.



Tổ chức giáo dục và Trường Đại học có tầm ảnh hưởng khu vực châu Á – Thái Bình Dương do Brand Laureate đánh giá.

74.313

Người học quy đổi trên toàn hệ thống

11

Tỉnh, thành có cơ sở đào tạo

140

Đối tác quốc tế

32

24.068

Nhân sự kinh nghiệm chuyên sâu

05

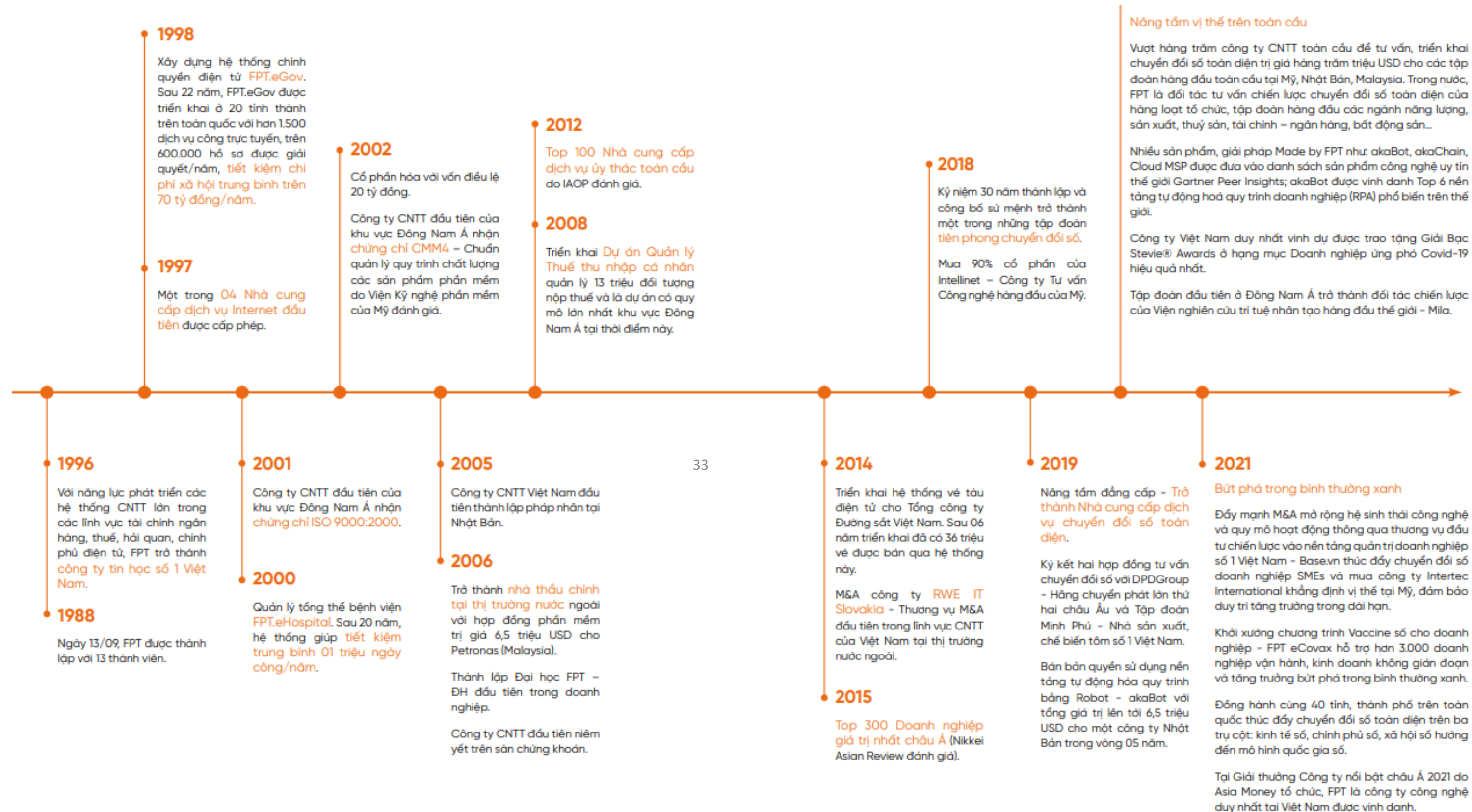
Tổ hợp đào tạo và công viên phần mềm

100+

Nền tảng, giải pháp, sản phẩm Made by FPT

3.3. GIỚI THIỆU CÔNG TY – LỊCH SỬ HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

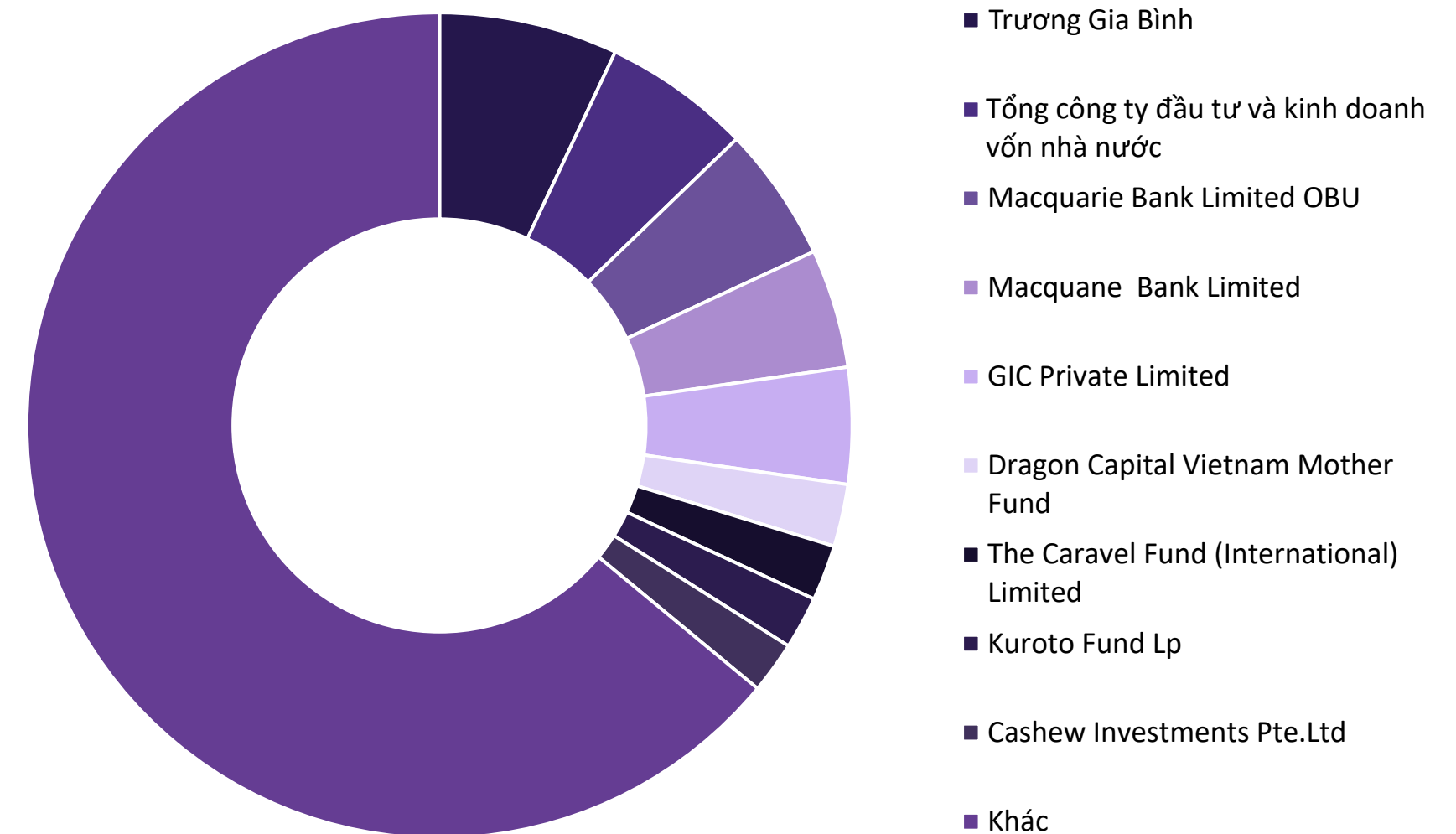
Trong hơn 30 năm phát triển, với vai trò là công ty công nghệ hàng đầu Việt Nam, FPT đã giúp các tổ chức, doanh nghiệp nâng tầm giá trị và góp phần quan trọng thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, khẳng định vị thế của Việt Nam trên bản đồ công nghệ thế giới.



Các câu hỏi nên đặt ra :

- Cơ cấu cổ đông tập trung hay phân tán?
 - Cổ đông lớn (sở hữu trên 5%) có phải là thành viên ban lãnh đạo hay người có liên quan đến ban lãnh đạo của công ty không?
- ⇒ Chủ sở hữu thực sự nếu họ cũng là lãnh đạo công ty, sẽ có khả năng quyết định chiến lược phát triển của công ty trong tương lai.
- ⇒ Công ty tốt thường thu hút các nhà đầu tư tổ chức tài chính uy tín nước ngoài. Những nhà đầu tư này cũng thường ưa thích các công ty minh bạch trong quản trị.
- ⇒ Cơ cấu cổ đông ít xáo trộn qua các năm có thể cho thấy sự gắn bó với công ty, hạn chế các mâu thuẫn phát sinh.

Cơ cấu cổ đông tại ngày 11/08/2022



3.4. PHÂN TÍCH CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ BAN LÃNH ĐẠO

Yếu tố con người quan trọng bậc nhất khi đánh giá một công ty

Ban lãnh đạo là những người quản trị công ty. Hoạt động kinh doanh của công ty phát triển tốt hay thất bại phụ thuộc rất nhiều vào khả năng lãnh đạo của họ. Do đó ban lãnh đạo phải được xem xét thận trọng về năng lực, kinh nghiệm và đạo đức



Ông Trương Gia Bình

Thành viên sáng lập,
Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT
không điều hành

Quốc tịch: Việt Nam

Kinh nghiệm: 33 năm trong lĩnh vực CNTT

Là linh hồn, là người tập hợp lực lượng và là một chiến lược gia, ông đã đưa ra những định hướng chiến lược quan trọng giúp FPT phát triển và đạt được vị thế như hiện nay. Với tầm nhìn của nhà lãnh đạo tiên phong, ông không ngừng khai thác những ý tưởng sáng tạo, bắt nhịp xu hướng công nghệ hiện đại, dẫn dắt FPT vững vàng tăng trưởng trong bối cảnh đại dịch đầy khó khăn.

Năm 2013, ông được Tập đoàn Nikkei (Nhật Bản) trao tặng Giải thưởng Nikkei Asia vì những đóng góp quan trọng cho sự phát triển của ngành CNTT Việt Nam.



Ông Bùi Quang Ngọc

Thành viên sáng lập,
Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT không điều hành

Quốc tịch: Việt Nam

Kinh nghiệm: 33 năm trong lĩnh vực CNTT

Là một nhà quản trị xuất sắc, ông luôn tiên phong trong việc hiện đại hóa hệ thống quản trị FPT, đảm bảo mọi hoạt động của Tập đoàn hiệu quả và chuẩn xác theo đúng quy chuẩn chất lượng quốc tế. Trong suốt nhiệm kỳ, với kinh nghiệm lâu năm trong các lĩnh vực quản trị dự án, đảm bảo chất lượng, chuẩn hóa quy trình, ông luôn theo sát và hỗ trợ các dự án lớn của FPT.

Năm 2005, ông được vinh danh trong Top 10 lãnh đạo CNTT xuất sắc nhất Đồng Dương.



Ông Đỗ Cao Bảo

Thành viên sáng lập,
thành viên HĐQT không điều hành

Quốc tịch: Việt Nam

Kinh nghiệm: 33 năm trong lĩnh vực CNTT

Là chuyên gia CNTT uy tín hàng đầu ở Việt Nam, ông tham gia kiến tạo và quản trị nhiều dự án CNTT mang tầm quốc gia và có những đóng góp lớn vào sự nghiệp phát triển của FPT. Trong giai đoạn 1994 - 2015, ông đã đưa FPT trở thành công ty dẫn đầu thị trường tích hợp hệ thống, phát triển phần mềm tại Việt Nam. Đồng thời, trên cương vị Chủ tịch Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng, ông giữ vai trò quan trọng trong việc hoạch định chiến lược nhân sự và luân chuyển lãnh đạo cấp cao, đào tạo thế hệ lãnh đạo kế cận của FPT.



Ông Lê Song Lai

Thành viên HĐQT
không điều hành

Quốc tịch: Việt Nam

Kinh nghiệm: 25 năm trong lĩnh vực tài chính, đầu tư

Ông là người có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính, đầu tư ở các cơ quan Nhà nước. Trong quá trình công tác, ông đã nắm giữ những vị trí quan trọng tại Bộ Tài chính, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.



Ông Jean-Charles Belliol

Thành viên HĐQT độc lập

Quốc tịch: Pháp

Kinh nghiệm: 30 năm trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, tài chính kỹ thuật, tài chính dự án

Ông là người có gần 30 năm kinh nghiệm về tài chính doanh nghiệp, tài chính kỹ thuật, tài chính dự án tại Việt Nam, Pháp và Nhật Bản. Ông luôn ủng hộ các định hướng chiến lược của FPT, đóng góp ý kiến tích cực cho các chính sách tài chính và các chương trình trọng điểm FPT hàng năm.



Ông Hamaguchi Tomokazu

Thành viên HĐQT độc lập

Quốc tịch: Nhật Bản

Kinh nghiệm: 44 năm trong lĩnh vực CNTT

Ông có hơn 40 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực CNTT và nhiều năm kinh nghiệm quản lý, điều hành, kinh doanh tại tập đoàn đa quốc gia.

Ông tốt nghiệp Đại học Kyoto (Nhật Bản), khoa Kỹ thuật điện năm 1967.



Ông Dan E Khoo

Thành viên HĐQT độc lập

Quốc tịch: Malaysia

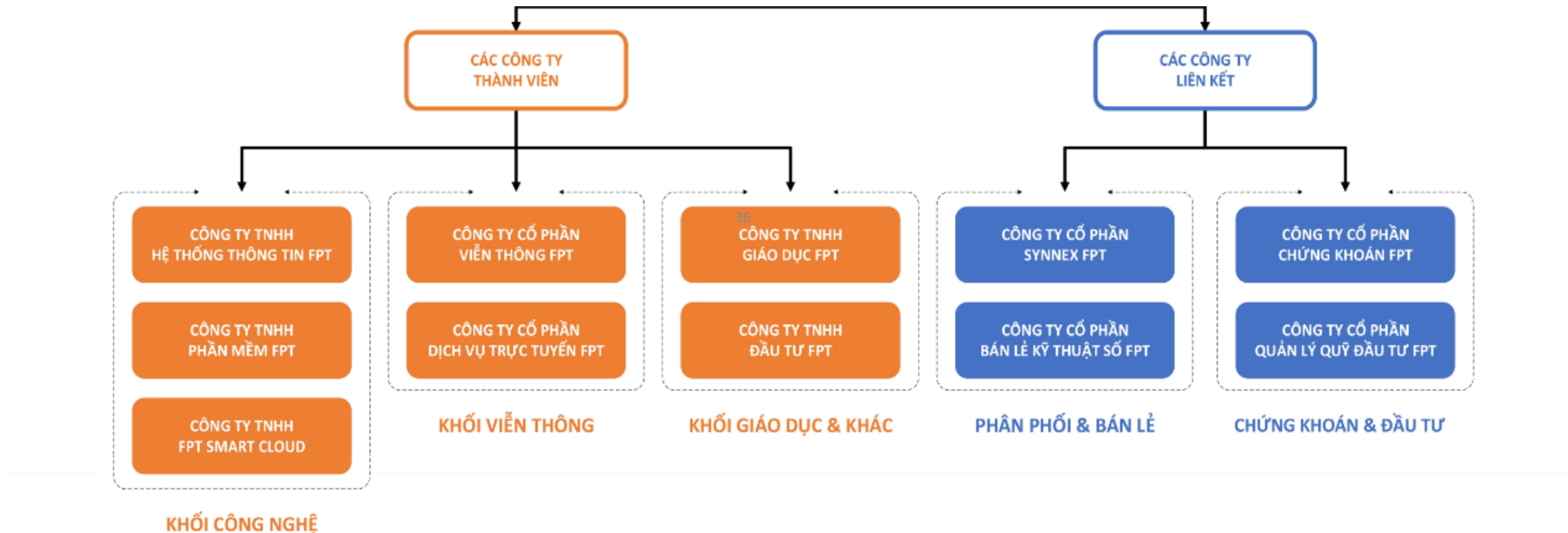
Kinh nghiệm: 29 năm trong lĩnh vực CNTT

Ông là một tên tuổi nổi tiếng trong lĩnh vực CNTT trên phạm vi toàn cầu với gần 30 năm kinh nghiệm, đảm nhận vị trí lãnh đạo tại nhiều tổ chức CNTT cấp cao. Trong giai đoạn 2008 - 2012, ông đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Danh dự Liên minh Dịch vụ và CNTT Thế giới (WITSA).

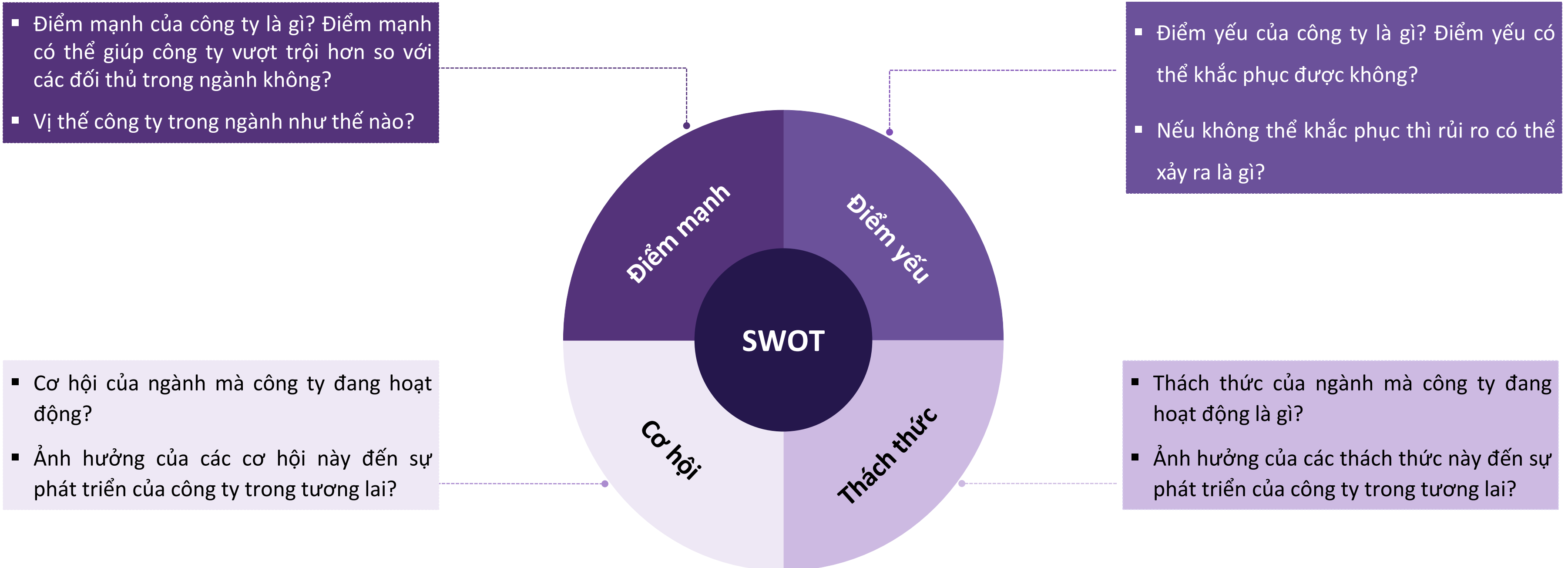
3.5. PHÂN TÍCH CẤU TRÚC CÔNG TY

Các vấn đề lưu ý khi phân tích cấu trúc công ty

- Công ty có bao nhiêu mảng kinh doanh? Mảng nào là chính?
- Cấu trúc sẽ thể hiện sơ bộ về định hướng phát triển của một công ty.
- Các công ty tốt thường có một cấu trúc rõ ràng, mạch lạc, ít phân tán và các mảng kinh doanh hầu hết đều có liên quan và bổ trợ lẫn nhau.

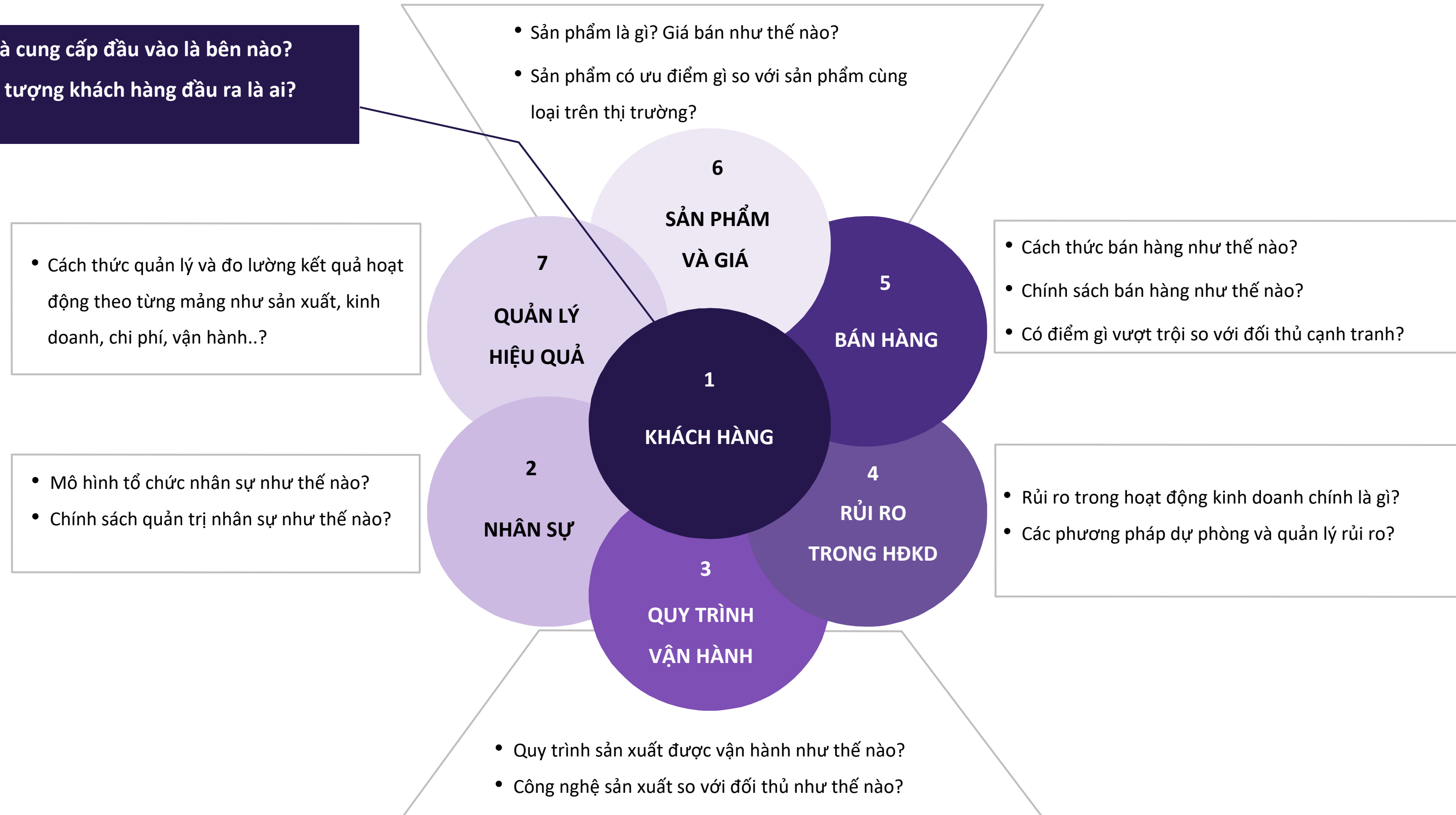


SWOT là viết tắt của Strengths (Điểm mạnh), Weaknesses (Điểm yếu), Opportunities (Cơ hội) và Threats (Thách thức)



3.6. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH KINH DOANH

- Nhà cung cấp đầu vào là bên nào?
- Đối tượng khách hàng đầu ra là ai?



» 3.6. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH HÌNH KINH DOANH

Phân tích tình hình kinh doanh của một doanh nghiệp sẽ dựa trên Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đó.

Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

— Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Mẫu số B 01 – DN/HN

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021	2020
			(Phần loại lại – Thuyết minh 37)	
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		35.118.372.900.846	25.265.933.056.476
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	4	5.417.845.293.242	4.686.191.374.038
111	Tiền		3.447.377.491.137	2.216.742.790.757
112	Các khoản tương đương tiền		1.970.467.802.105	2.469.448.583.281
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		20.730.720.735.456	12.435.918.124.269
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5(a)	20.730.720.735.456	12.435.918.124.269
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		6.882.182.894.987	6.265.411.863.371
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	6.211.956.510.246	5.564.392.191.491
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	400.707.131.836	459.336.196.478
134	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	8	168.939.964.952	197.972.680.487
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn		34.762.220.000	185.532.228.683
136	Phải thu ngắn hạn khác	9(a)	595.813.030.192	480.833.352.415
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(529.995.962.239)	(622.654.786.183)
140	Hàng tồn kho	11	1.507.342.901.619	1.290.091.524.352
141	Hàng tồn kho		1.623.315.328.554	1.405.083.502.315
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(115.972.426.935)	(114.991.977.963)
150	Tài sản ngắn hạn khác		580.281.075.542	588.320.170.446
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	12(a)	290.950.472.969	274.481.738.695
152	Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ		256.817.647.142	268.314.490.280
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13(a)	32.512.955.431	45.523.941.471

— Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Mẫu số B 02 – DN/HN

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2021	2020
			(Phần loại lại – Thuyết minh 37)	
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.671.052.233.610	29.857.306.446.210
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		13.789.688.583	26.905.919.386
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	26	35.657.262.545.027	29.830.400.526.824
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	22.025.298.308.249	18.213.060.801.201
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)		13.631.964.236.778	11.617.339.725.623
21	Doanh thu hoạt động tài chính	28	1.270.789.386.267	821.896.424.782
22	Chi phí tài chính	29	1.144.187.446.845	548.165.211.617
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		483.995.846.804	385.337.754.896
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	5(b)	686.864.681.119	312.193.572.178
25	Chi phí bán hàng	30	3.604.610.784.981	2.930.258.252.581
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	4.612.325.935.574	4.082.351.794.454
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)		6.228.494.136.764	5.190.654.463.931
31	Thu nhập khác		133.219.177.622	131.401.186.949
32	Chi phí khác		24.506.873.428	58.599.020.913
40	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		108.712.304.194	72.802.166.036
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		6.337.206.440.958	5.263.456.629.967
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	32	954.883.280.274	942.814.118.631
52	Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	32	33.022.061.188	(103.102.706.262)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)		5.349.301.099.496	4.423.745.217.598
61	Cổ đông của công ty mẹ		4.337.411.879.802	3.538.007.738.822
62	Cổ đông không kiểm soát		1.011.889.219.694	885.737.478.776
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25(a)	4.349	3.579
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25(b)	4.349	3.579

— Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 – DN/HN

Đơn vị: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
			2021	2020
			(Phần loại lại – Thuyết minh 37)	
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		6.337.206.440.958	5.263.456.629.967
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và phân bổ lợi thế thương mại		1.643.915.685.332	1.490.607.476.892
03	Các khoản dự phòng		352.207.924.154	313.851.138.486
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(63.913.432.668)	(3.386.721.059)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.700.489.438.802)	(1.039.617.856.401)
06	Chi phí lãi vay		483.995.846.804	385.337.754.896
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		7.052.923.025.778	6.410.248.422.781
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(693.503.200.106)	311.571.475.172
10	Tăng hàng tồn kho		(218.231.826.239)	(55.124.600.922)
11	Tăng các khoản phải trả		1.910.090.001.449	1.060.519.849.887
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(375.543.134.134)	51.528.448.148
14	Tiền lãi vay đã trả		(451.555.665.838)	(401.913.784.732)
15	Thuế TNDN đã nộp		(1.045.034.654.569)	(778.286.928.782)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(339.450.991.614)	(258.863.848.216)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.839.693.554.727	6.339.679.033.336
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.911.001.172.725)	(3.017.645.357.713)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		2.866.890.285	3.323.070.810
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(35.827.118.645.179)	(21.325.958.735.502)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		27.590.009.509.475	15.371.867.413.763
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(450.878.532.336)	(101.172.751.758)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		420.000.000	31.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.182.811.834.149	894.462.073.316
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(10.412.890.116.331)	(8.144.124.287.084)

➤ 3.6. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH KINH DOANH

Phân tích tình hình kinh doanh của một doanh nghiệp thông qua việc phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng tóm tắt kết quả kinh doanh giai đoạn 2017 - 2021

Đơn vị: Tỷ VNĐ

STT	Chỉ tiêu	2017	+/-	2017 tương đương (*)	2018	+/-	+/- tương đương (*)	2019	+/-	2020	+/-	2021	+/-
1	Tổng doanh thu	42.659	79%	19.778	23.214	-45,6%	17,4%	27.717	19,4%	29.830	7,6%	35.657	19,5%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4.220	42,4%	2.960	3.800	-10,0%	28,4%	4.610	21,3%	5.191	12,6%	6.228	20,0%
3	Lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao	5.267	30,9%	3.824	4.818	-8,5%	26,0%	5.869	21,8%	6.423	9,4%	7.460	16,1%
4	Lợi nhuận trước thuế và lãi vay	4.227	36,9%	2.792	3.653	-13,6%	30,8%	4.514	23,6%	4.933	9,3%	5.816	17,9%
5	Lợi nhuận trước thuế	4.255	41,2%	2.954	3.858	-9,3%	30,6%	4.665	20,9%	5.263	12,8%	6.337	20,4%
6	Lợi nhuận sau thuế	3.528	37,0%	2.488	3.234	-8,3%	30,0%	3.912	21,0%	4.424	13,1%	5.349	20,9%
7	Lợi nhuận sau thuế thuộc vốn cổ đông công ty mẹ	2.932	47,3%	1.981	2.620	-10,6%	32,3%	3.135	19,7%	3.538	12,8%	4.337	22,6%

Để phân tích tình hình kinh doanh cần đọc báo cáo kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính của công ty với những thông tin được tóm tắt như bảng bên. Có rất nhiều thông tin nhưng các chỉ tiêu quan trọng nhất là doanh thu và lợi nhuận.

Các câu hỏi nên được đặt ra:

- Doanh thu và lợi nhuận có xu hướng tăng hay giảm? Tại sao?
- Triển vọng doanh thu và lợi nhuận trong tương lai như thế nào?
- Cơ cấu doanh thu như thế nào? Sản phẩm dịch vụ nào là cốt lõi và sinh tiền cho công ty?
- Có phát sinh các khoản doanh thu và lợi nhuận đột biến không? Vì sao? Cần cẩn trọng với các khoản đột biến vì chúng có thể không lặp lại trong tương lai
- Kết hợp với phân tích bảng cân đối kế toán và báo cáo lưu chuyển tiền tệ để kiểm tra chất lượng của doanh thu và lợi nhuận.

Để phân tích tình hình tài chính cần đánh giá chất lượng BCDKT, kết hợp với báo cáo KQKD để thực hiện tính toán các chỉ tiêu tài chính.

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2021	2020
				(Phần loại lại – Thuyết minh 37)
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		18.579.567.995.029	16.468.390.178.718
210	Các khoản phải thu dài hạn		167.244.119.883	242.872.863.326
212	Trả trước cho người bán dài hạn		-	380.000.000
215	Phải thu về cho vay dài hạn		2.268.758.773	93.992.225.574
216	Phải thu dài hạn khác	9(b)	219.704.534.928	203.229.811.570
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	10	(54.729.173.818)	(54.729.173.818)
220	Tài sản cố định		10.398.837.546.784	8.317.822.707.614
221	Tài sản cố định hữu hình	14(a)	9.260.934.699.063	7.219.551.625.765
222	Nguyên giá		16.080.827.716.168	12.945.570.337.275
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(6.819.893.017.105)	(5.726.018.711.510)
224	Tài sản cố định thuê tài chính		4.842.789.874	2.902.077.617
225	Nguyên giá		8.002.891.607	6.031.445.271
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.160.101.733)	(3.129.367.654)
227	Tài sản cố định vô hình	14(b)	1.133.060.057.847	1.095.369.004.232
228	Nguyên giá		2.249.106.647.011	2.036.967.631.495
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.116.046.589.164)	(941.598.627.263)
240	Tài sản dở dang dài hạn		1.290.598.745.684	2.373.393.296.565
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	1.290.598.745.684	2.373.393.296.565
250	Đầu tư tài chính dài hạn		3.101.993.693.319	2.581.174.954.052
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	5(b)	2.018.005.439.382	1.980.817.143.237
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5(b)	1.931.006.629.408	903.457.236.286
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	5(b)	(847.218.375.471)	(303.299.425.471)
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5(a)	200.000.000	200.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		3.620.893.889.359	2.953.126.357.161
261	Chi phí trả trước dài hạn	12(b)	2.972.696.947.589	2.613.622.547.729
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		182.211.531.443	139.469.584.405
269	Lợi thế thương mại	16	465.985.410.327	200.034.225.027
270	TỔNG TÀI SẢN		53.697.940.895.875	41.734.323.235.194

(*) Ghi chú: Bên liên quan của một công ty là các công ty/ nhóm công ty có quan hệ chung về mặt sở hữu hoặc các cá nhân có liên quan đến chủ sở hữu, ban lãnh đạo... của công ty đó

Các vấn đề cần lưu ý khi xem xét bảng cân đối kế toán như sau:

Tổng tài sản thay đổi như thế nào qua các năm? Tại sao? Công ty có các giao dịch mua bán, sáp nhập hay chia tách... ảnh hưởng lớn đến tổng tài sản không?

- ✓ Các khoản mục nào chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản? Biến động của các khoản mục này qua các năm có bất thường?
- ✓ Tập trung vào các khoản hàng tồn kho có giá trị lớn so với doanh thu, phải thu khách hàng, phải thu cho vay, phải thu khác, đầu tư tài chính, đầu tư Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)... có giá trị lớn mà bên nhận là bên liên quan (*)

Tổng nợ phải trả thay đổi như thế nào qua các năm? Tại sao?

- ✓ Các khoản mục nào chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nợ? Biến động của các khoản mục này qua các năm có bất thường?
- ✓ Lưu ý các khoản phải trả, nợ vay, nhận đặt cọc hoặc nhận BCC có giá trị lớn từ bên liên quan.

Tổng vốn chủ sở hữu (VCSH) thay đổi như thế nào qua các năm? Tại sao?

- ✓ Các khoản mục nào chiếm tỷ trọng lớn trong VCSH? Biến động của các khoản mục này qua các năm có bất thường?
- ✓ Lưu ý đến các công ty vừa được góp vốn vào đã chuyển tiền ra dưới hình thức phải thu cho vay, đầu tư BCC...hoặc treo phải thu tiền góp vốn một thời gian dài.

Tình hình tài chính sẽ được thể hiện ở rất nhiều các chỉ tiêu nhưng các chỉ tiêu quan trọng nhất như sau:

1. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

4, Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17,4%	17,5%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	17,6%	17,8%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	14,8%	15,0%
Tỷ suất sinh lời trên vốn đầu tư (ROCE)	17,5%	15,8%
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)	24,8%	26,7%
Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản	12,1%	11,4%

Biên Lợi nhuận sau thuế (Biên LNST) = Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu
=> Cho biết với mỗi đồng doanh thu, công ty tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế. Chỉ tiêu này thể hiện khả năng sinh lợi sau thuế của công ty nên càng cao càng tốt.

$ROE = \text{Lợi nhuận sau thuế} / \text{Vốn chủ sở hữu bình quân}$

Trong đó: Vốn chủ sở hữu bình quân bằng trung bình cộng giá trị Vốn chủ sở hữu năm này và năm trước gần nhất.

=> Chỉ tiêu ROE cho biết hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu của công ty, thể hiện qua việc một đồng vốn chủ sở hữu tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận sau thuế. Chỉ tiêu này càng cao càng tốt. Con số này sẽ thay đổi tùy theo ngành và cơ cấu tài chính của công ty, nhưng mức 12-15% thường được tham chiếu: trên mức này được xem là cao, dưới mức này được xem là thấp. Nếu tìm kiếm cơ hội đầu tư nên quan tâm đến các công ty có ROE cao hơn mức trung bình ngành.

2. Chỉ tiêu về khả năng trả nợ:

Chỉ tiêu về khả năng trả nợ	2020	2021
Hệ số nợ/Tổng tài sản	30,5%	37,4%
Hệ số nợ/VCSH	68,5%	93,8%
EBIT/lãi vay (lần)	11,9	11,2

EBIT/lãi vay = Lợi nhuận hoạt động/Chi phí lãi vay

⇒ Cho biết khả năng thanh toán lãi vay của công ty bằng nguồn lợi nhuận hoạt động. Tỷ lệ này > 1 cho thấy công ty tạo đủ lợi nhuận hoạt động để đáp ứng chi phí lãi vay trong năm.

Nợ vay/VCSH = Nợ vay/Vốn chủ sở hữu

Trong đó, Nợ vay = Vay ngắn hạn + Vay dài hạn

⇒ Tỷ lệ này thể hiện cơ cấu và tình hình tài chính của công ty. Ngoại trừ các tổ chức tài chính như ngân hàng, công ty bảo hiểm..., tỷ lệ Nợ vay/VCSH < 1 thường được xem là an toàn; ở những công ty trong ngành như bất động sản, ngành sản xuất cần sử dụng nhiều vốn, tỷ lệ này thường > 1. Nói chung, nên thận trọng với những công ty sử dụng tỷ lệ Nợ vay/ VCSH lên đến vài lần nhưng sinh lợi thấp.

3. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu khả năng thanh toán	2020	2021
Hệ số thanh toán hiện hành (lần)	1,2	1,2
Hệ số thanh toán nhanh (lần)	1,1	1,1

→ Thanh toán hiện hành = Tài sản ngắn hạn/Nợ phải trả ngắn hạn
 => Cho biết khả năng thanh toán các khoản Nợ ngắn hạn của công ty bằng Tài sản ngắn hạn. Tỷ lệ này > 1 thể hiện doanh nghiệp có khả năng trả các khoản nợ ngắn hạn khi đến hạn.

4. Chỉ tiêu về hiệu quả sử dụng tài sản:

Chỉ tiêu năng lực hoạt động	2020	2021
Vòng quay hàng tồn kho (lần)	13,3	12,5
Vòng quay khoản phải thu (lần)	5,3	6,1
Vòng quay khoản phải trả (lần)	7,8	8,6
Vòng quay tiền mặt (lần)	50,0	46,6
Vòng quay tổng tài sản (lần)	0,7	0,7

→ Vòng quay tài sản = Doanh thu / Tổng tài sản bình quân
 Trong đó: Tổng tài sản bình quân bằng trung bình cộng giá trị Tổng tài sản năm này và năm trước gần nhất.
 => Chỉ tiêu này cho biết với mỗi đồng tài sản có bao nhiêu đồng doanh thu được tạo ra. Chỉ tiêu này càng cao đồng nghĩa với việc doanh nghiệp sử dụng tài sản vào sản xuất kinh doanh càng hiệu quả.

➤ 3.7. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021		Phát sinh trong năm			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
(a) Ngắn hạn							
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng (i)	10.720.885.168.015	10.720.885.168.015	24.266.975.324.237	(19.023.130.575.700)	(103.303.140.185)	15.861.426.776.367	15.861.426.776.367
Vay bên liên quan (Thuyết minh 35(a) và (b)) (ii)	845.000.000.000	845.000.000.000	8.050.000.000.000	(7.375.000.000.000)	-	1.520.000.000.000	1.520.000.000.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả							
Vay ngân hàng (iii)	495.589.576.655	495.589.576.655	476.650.180.718	(533.034.657.296)	(22.580.728.126)	416.624.371.951	416.624.371.951
Nợ thuê tài chính	935.448.070	935.448.070	1.848.124.858	(1.306.368.312)	(87.165.157)	1.390.039.459	1.390.039.459
	12.062.410.192.740	12.062.410.192.740	32.795.473.629.813	(26.932.471.601.308)	(125.971.033.468)	17.799.441.187.777	17.799.441.187.777
(b) Dài hạn							
Vay ngân hàng (iii)	675.785.261.200	675.785.261.200	2.137.242.726.299	(476.650.180.718)	(44.083.972.234)	2.292.293.834.547	2.292.293.834.547
Nợ thuê tài chính	2.011.652.213	2.011.652.213	9.488.526.475	(1.848.124.858)	(5.637.395.331)	4.014.658.499	4.014.658.499
	677.796.913.413	677.796.913.413	2.146.731.252.774	(478.498.305.576)	(49.721.367.565)	2.296.308.493.046	2.296.308.493.046

Cơ cấu nợ vay cho thấy:

- Công ty đang chủ yếu dùng nguồn vay nợ nào để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh ngắn hạn và đầu tư trung dài hạn (Vay ngắn hạn với Vay dài hạn)
- Cơ cấu các khoản vay nợ dài hạn được cấu thành bởi những loại nào (vay dài hạn, trái phiếu, vay khác như vay bên thứ ba...)?
- Các điều khoản của các khoản vay nợ này có thuận lợi cho công ty hay không (lãi suất, thời hạn, đồng tiền vay, lịch trả nợ...)?

3.8. CÁC CHỈ TIÊU ĐỊNH GIÁ – VỐN HÓA

- **Vốn hóa thị trường (Market Capitalization)** được hiểu là **tổng giá trị tất cả các cổ phiếu của công ty hiện đang được niêm yết** trên thị trường chứng khoán.
- Giá trị này **phụ thuộc vào số lượng cổ phiếu và giá trị thị trường** của mã cổ phiếu đó **tại thời điểm giao dịch**. Nó có thể **tăng hoặc giảm theo thời gian, diễn biến thị trường** chứ không chỉ phụ thuộc vào tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp hay giá trị thực sự.



Ví dụ: Công ty Cổ phần FPT có **1.097.026.572** cổ phiếu được bán với giá **86.000đ/cổ phiếu**.

=> Giá trị vốn hóa thị trường của Công ty Cổ phần FPT sẽ là **1.097.026.572 * 86.000 = 94,344,285,192,000**

3.8. CÁC CHỈ TIÊU ĐỊNH GIÁ – P/E

Chỉ số P/E (Price to Earning ratio) là chỉ số đánh giá mối quan hệ giữa giá thị trường của cổ phiếu (Price) với thu nhập trên một cổ phiếu (EPS). Ý nghĩa của chỉ số này thể hiện mức giá bạn sẵn sàng trả cho cổ phiếu của một doanh nghiệp dựa trên lợi nhuận (thu nhập) của doanh nghiệp đó.

$$\frac{P}{E} = \frac{\text{Giá thị trường của cổ phiếu}}{\text{Thu nhập trên một cổ phiếu}}$$


Ví dụ: Giả sử giá thị trường tại thời điểm 10/08/2022 của cổ phiếu FPT là 86.000 đồng, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) trong năm của công ty này là 4.490 đồng. Như vậy, P/E của cổ phiếu FPT là 19,15.

3.8. CÁC CHỈ TIÊU ĐỊNH GIÁ – P/B

Chỉ số P/B (Price-to-Book ratio) là tỷ lệ được sử dụng để so sánh giá của một cổ phiếu với giá trị sổ sách của cổ phiếu đó. Tỷ lệ này được tính toán bằng cách lấy giá đóng cửa hiện tại của cổ phiếu chia cho giá trị ghi sổ tại quý gần nhất của cổ phiếu đó.


$$\frac{P}{B} = \frac{\text{Giá thị trường của cổ phiếu}}{\text{Thu nhập trên một cổ phiếu}}$$

Ví dụ:

Giả sử Công ty Cổ phần FPT có giá trị tài sản ghi nhận trên bảng cân đối kế toán là **56.296 tỷ đồng**, tổng nợ **32.884 tỷ đồng**, như vậy giá trị ghi sổ (BV) của công ty là **23.412 tỷ đồng**.

Hiện tại công ty có **1.097.026.572** cổ phiếu đang lưu hành, như vậy giá trị ghi sổ của mỗi cổ phiếu là **21.341 VND**. Nếu giá thị trường của cổ phiếu đang là **86.000 VND**, thì P/B của cổ phiếu được tính như sau:

$$P/B = \frac{86.000}{21.341} = 4$$

- Năng lực **quản trị, điều hành** tốt

- Mô hình kinh doanh **bền vững**

- **Thị phần** lớn dẫn đầu ngành

- **Tài chính** vững mạnh

3.9. KẾT LUẬN



- Tài liệu trên đây đã hướng dẫn cho các bạn hiểu được cách phân tích công ty cơ bản.
- Tuy nhiên, các công ty trong thực tế có thể rất đa dạng và phức tạp. Do đó để phân tích thành thạo, bạn cần phải có một quá trình tích lũy kinh nghiệm cho bản thân thông qua việc thực hành.
- Làm giàu thêm kiến thức về phân tích cơ bản trong chuyên mục đào tạo tại Website ABS: <https://www.abs.vn/kiem-tien-tu-phan-tich-co-ban/>

Bắt đầu hành trình đầu tư của bạn cùng **ABS Invest** - Ứng dụng giao dịch Cổ phiếu tốt nhất Việt Nam 2023 theo Global Business Outlook. **Tải App ngay:**



4. Phân tích kỹ thuật

Nhập môn PTKT

- Phân tích kỹ thuật (PTKT) là nghiên cứu về hành động thị trường trong quá khứ để đánh giá những gì thị trường có thể làm trong tương lai.
- Về cơ bản nhất, đó là nghiên cứu về giá cả và khối lượng (trái tim và linh hồn)
- Phân tích kỹ thuật không quan tâm đến “nội tại” của một công ty.

03 “TRIẾT LÝ” CỦA PTKT

- Hành động thị trường chiết khấu mọi thứ
- Giá di chuyển theo xu hướng
- Lịch sử lặp lại chính nó



- Biểu đồ chứng khoán chỉ đơn giản là một đại diện trực quan về giá hoặc chỉ số của chứng khoán trong một khoảng thời gian nhất định. Trên biểu đồ, trục y (trục tung) đại diện cho thang giá và trục x (trục ngang) đại diện cho thang thời gian.



Biểu đồ được sử dụng phổ biến nhất là biểu đồ hình nến (ảnh minh họa)

- Trong PTKT có một câu nói nổi tiếng: “Trend is your friend”, tức là giao dịch thuận theo xu hướng thị trường sẽ giúp bạn có tỷ lệ thành công cao hơn và hạn chế thua lỗ.
- Xu hướng là hướng mà giá đang di chuyển, dựa trên vị trí của chúng trong quá khứ.
- Xu hướng được tạo thành từ các đỉnh và đáy. Chính hướng của những đỉnh và đáy đó tạo nên xu hướng của thị trường. Cho dù những đỉnh và đáy đó đang di chuyển lên, xuống hay đi ngang cho thấy hướng của xu hướng.

CÁC XU HƯỚNG CHÍNH

01

XU HƯỚNG TĂNG

Được tạo thành từ các đỉnh và đáy tăng dần.
Mức cao hơn và mức thấp cao hơn

02

XU HƯỚNG GIẢM

Được tạo thành từ các đỉnh và đáy giảm dần.
Thấp hơn mức cao và mức thấp thấp hơn.

03

XU HƯỚNG ĐI NGANG

Khi giá đi ngang trong một phạm vi ngang.







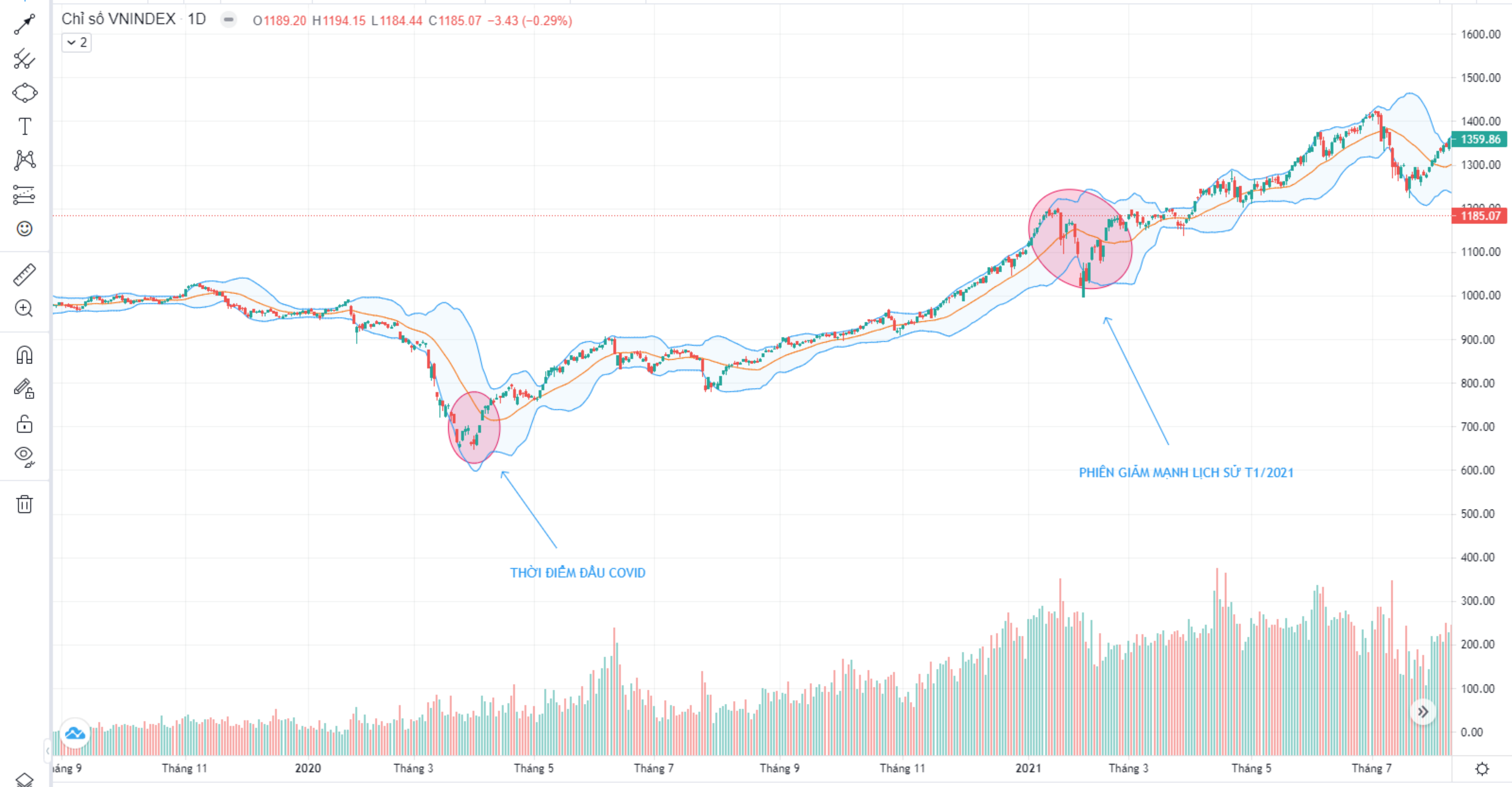
MỐI QUAN HỆ VỚI THÔNG TIN VĨ MÔ



Đại dịch Covid-19 bắt đầu xuất hiện tại Việt Nam vào đầu năm 2020 và diễn biến hết sức phức tạp. Thời điểm đó, thị trường chứng khoán Việt Nam cũng trở nên đầy biến động.

“Cụ thể, tháng 3/2020 khi VN bắt đầu bùng dịch Covid-19, TTCK đã giảm xuống mức 650đ sau đó hồi phục tới tháng 4/2021. Do các chính sách kiểm soát dịch, số đông người dân bắt đầu tham gia đầu tư vào thị trường chứng khoán. Điều này đã dẫn đến những phiên tăng điểm mạnh nhất từ tính từ đầu năm 2001, thiết lập đỉnh lịch sử sau 20 năm ở mức 1.268,28 điểm với giá trị giao dịch trong ngày cao đạt 22.464 tỷ đồng, đánh dấu một bước ngoặt mới cho thị trường chứng khoán Việt Nam.”



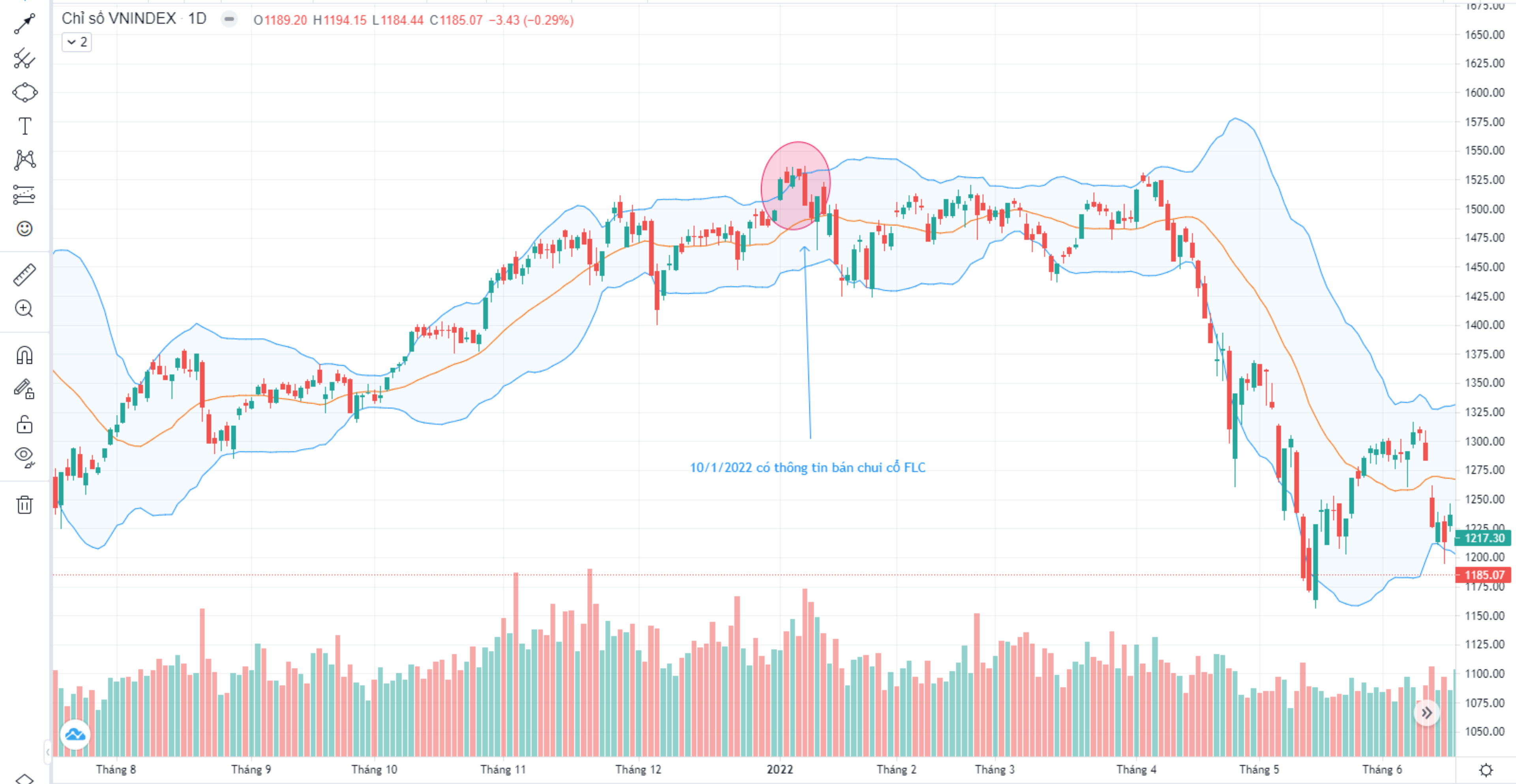


TÁC ĐỘNG CỦA VỤ VIỆC KHỞI TỐ BẮT GIAM ÔNG TRỊNH VĂN QUYẾT

- Thông tin Chủ tịch Tập đoàn FLC Trịnh Văn Quyết chính thức bị khởi tố, bắt tạm giam liên quan đến vụ việc bán chui cổ phiếu ngày 10/1/2022 phát đi chiều ngày 29/3 đã gây xôn xao cả thị trường chứng khoán.
- Trong khắp các room, nhiều nhà đầu tư bày tỏ lo lắng sẽ mất trắng tay khi trót ôm cổ phiếu họ FLC.
- Tác động rõ nhất là nhóm cổ phiếu nhà họ Q khi giảm sàn vài phiên liên tiếp

Sàn	CK	Trần	Sàn	TC	Bên mua						Khớp lệnh				Bên bán					
					Giá 3	KL 3	Giá 2	KL 2	Giá 1	KL 1	Giá	KL	+/-	+/- (%)	Giá 1	KL 1	Giá 2	KL 2	Giá 3	KL 3
HOSE	FLC	13.5	11.8	12.65							11.8	10	-0.85	-6.7%	11.8	101,548,601	11.85	263,00	11.9	172,10
HOSE	ROS	8.73	7.59	8.16							7.59	3,00	-0.57	-7.0%	7.59	90,479,40	7.6	1,464,40	7.61	41,50
HOSE	HAI	6.29	5.47	5.88							5.47	10	-0.41	-7.0%	5.47	5,408,10	5.48	16,90	5.49	44,80
HNX	ART	10.6	8.8	9.7							8.8	10	-0.90	-9.3%	8.8	4,702,80	8.9	11,60	9	56,40
HOSE	AMD	6.62	5.76	6.19							5.76	10	-0.43	-6.9%	5.76	9,796,00	5.77	26,40	5.78	39,40
HNX	KLF	6.4	5.4	5.9							5.4	20	-0.50	-8.5%	5.4	7,226,60	5.5	350,70	5.6	100,30
HOSE	GAB	210.1	182.7	196.4					182.7	10										

Nhóm cổ phiếu FLC bị bán tháo phiên thứ 3 liên tiếp (30/3)



TÁC ĐỘNG CỦA CHIẾN TRANH NGÀ-UKRAINE

- Gần đây nhất kể đến là ảnh hưởng của Nga với Ukraine gây nên ảnh hưởng kéo dài và dẫn tới giá dầu tăng cao gây nên lạm phát toàn cầu
- Chỉ số VN-Index đã ghi nhận mức giảm trên 1% trong ngày 24/02/2022 một phần do ảnh hưởng từ tâm lý của thị trường quốc tế sau khi diễn biến căng thẳng Nga - Ukraine leo thang.



Cuộc chiến giữa Nga và Ukraine đem đến cả nguy cơ lẫn cơ hội đối với các nhà đầu tư. Ảnh: Shutterstock

Xung đột tại Ukraine: Giá dầu, vàng tăng dựng đứng

07-03-2022 - 10:33 | Quốc tế

f Chia sẻ

Thích 6

(NLĐO) -Giá dầu thô của Mỹ đã tăng hơn 8% vào đầu phiên giao dịch hôm 7-3 khi thị trường tiếp tục phản ứng trước sự gián đoạn nguồn cung do ảnh hưởng từ cuộc tấn công của Nga nhằm vào Ukraine và khả năng dầu, khí đốt Nga bị cấm vận.

Cụ thể, giá dầu thô WTI giao dịch cao hơn 8% lên trên 125 USD/thùng, mức cao nhất kể từ tháng 7-2008. Có thời điểm giá đã tăng lên 130,50 USD/thùng trong phiên giao dịch ngày 7-3 trước khi điều chỉnh giảm.





ƯU ĐIỂM

- Phân tích kỹ thuật thường được dùng để xác định thời điểm giao dịch với tỷ lệ chính xác cao, mang lại kết quả nhanh, dễ sử dụng.
- Nhờ vào chỉ báo và các mô hình được phát triển bởi các chuyên gia có nhiều kinh nghiệm, nhà đầu tư có thể sử dụng phương pháp giao dịch này có thể thiết lập các lệnh thị trường một cách phù hợp.

NHƯỢC ĐIỂM

- Không phải tất cả các mô hình và chỉ báo đều đưa ra tín hiệu chính xác tuyệt đối ở mọi thời điểm, nó chỉ mang tính chất tương đối vì thị trường chứng khoán có nhiều yếu tố biến động không thể lường trước và không thể được phát hiện thông qua phân tích kỹ thuật . Do đó nên kết hợp nhiều công cụ lại với nhau để đưa ra dự đoán chuẩn xác hơn.
- Các nhà đầu tư có thể bị ảnh hưởng bởi tâm lý đám đông và áp dụng phân tích kỹ thuật cứng nhắc dẫn đến quyết định giao dịch của mình bị sai lệch.

4.2 Phân tích kỹ thuật

Giá trong PTKT



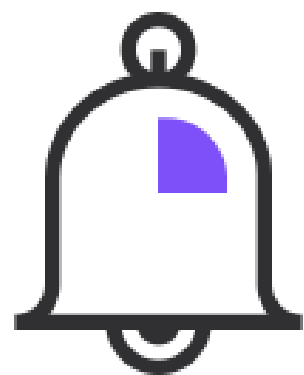
TRỌN VẸN TRẢI NGHIỆM ĐẦU TƯ

Phân tích kỹ thuật sử dụng biểu đồ kỹ thuật soi giá và khối lượng theo thời gian nhằm dự báo **XU HƯỚNG GIÁ** tiếp theo của cổ phiếu

Với các chuyên gia về PTKT thì "price is king". Giá đóng vai trò quan trọng trong chiến lược trading và nên nhớ rằng, không được để cảm xúc lấn át ý chí.



Trong PTKT tin tức về doanh nghiệp/thị trường đều ảnh hưởng vào giá của Cổ phiếu, do đó cần phải tin vào tín hiệu của giá (tin tức..), không nên tin vào điều bạn nghĩ.



Nhắc lại bài cũ một lần nữa, thì PTKT dự báo xu hướng tâm lý để dự báo xu hướng giá và gần như mỗi mức giá sẽ phản ánh được một cột mốc tâm lý của thị trường

Hiểu được các cột mốc tâm lý/mức giá này thì chính là lúc nhà đầu tư hiểu được bản chất của Giá trong PTKT.

- Mức giá thấp nhất đã chạm đến trong quá khứ sẽ là mức hỗ trợ của giá cổ phiếu đó. Mức giá này có thể gọi là “đáy”.
- Bởi tâm lý chung của thị trường xác định đó sẽ là mức giá thấp nhất của cổ phiếu, từ đó phát sinh cầu “bắt đáy”



- Mức giá cao nhất của cổ phiếu đã đạt đến trong quá khứ sẽ là mức cản của giá cổ phiếu đó. Mức giá này có thể được gọi là “đỉnh”
- Bởi tâm lý chung của thị trường xác định đó sẽ là mức giá cao nhất cổ phiếu có thể đạt được. Từ đó phát sinh hiện tượng “chốt lời”.



4.3. Phân tích kỹ thuật

Khối lượng trong PTKT

- Qua các bài trước, NĐT đã hiểu được cốt lõi của PTKT chính là **giá và khối lượng** với mục tiêu chính là việc xác định được xu hướng giá trong tương lai của cổ phiếu.
- Tuy nhiên trong nhiều trường hợp, giá tăng chưa chắc đã là tín hiệu đáng mừng. Đó chính là lúc NĐT cần phải chú ý đến điều cốt lõi thứ 2 – **KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH.**



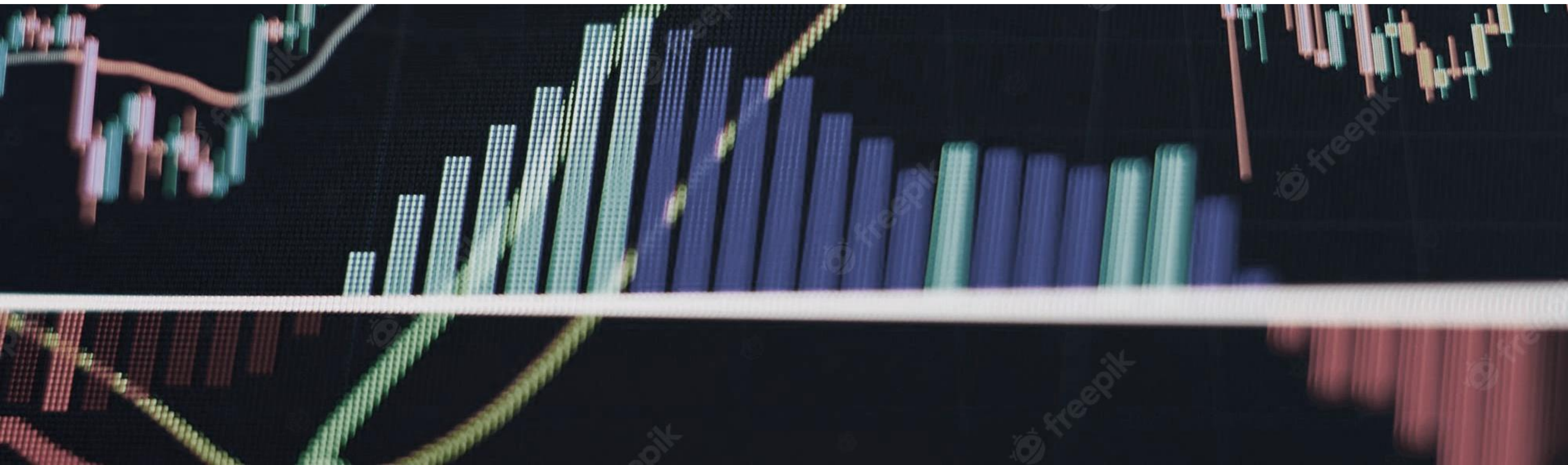
Khi một cổ phiếu đang trong đà tăng thì câu hỏi đặt ra là: **Khi nào cổ phiếu đó sẽ giảm?**

Nói cách khác chính là việc phải **xác nhận xu hướng tăng/giảm** của cổ phiếu có thật sự rõ ràng không.



Đó chính là lúc các NĐT sử dụng đến yếu tố Khối lượng giao dịch “KLGD” (trong 1 khoảng thời gian) để xác nhận/bác bỏ xu hướng giá.

Tất nhiên KLGD không phải yếu tố duy nhất cần phải xem xét đến, nhưng những gì cơ bản thì thường hiệu quả trong đa phần các trường hợp.



1) Tín hiệu tăng giá – Bullish

- Vượt cản với volume bùng nổ (hình minh họa 1). Thông thường khi chạm đến mức cản - mức mà áp lực bán tăng cao thì giá cổ phiếu có xu hướng quay đầu giảm lại;
- Cả giá và volume tăng đều qua thời gian;
- Giá tăng nhưng volume giảm dần hoặc ở mức trung bình thấp (đó là khi nhà đầu tư không còn quan tâm nhiều đến cổ phiếu mà tìm đến các cổ phiếu khác)



TRƯỜNG HỢP GIÁ VÀ VOLUME TĂNG BÙNG NỔ TẠI PHIÊN 24/8/2020 CỦA DGC. SAU ĐÓ DGC VẪN GIỮ VỮNG TREND TĂNG DÀI HẠN ĐẾN 2022.

Khối lượng 4.782M

7%

»

2) Các trường hợp giảm giá

- Giảm mạnh kèm volume lớn (hình minh họa 1)
- Giá giảm, volume tăng (nhà đầu tư tăng dần độ nghi ngờ về cổ phiếu và bán tháo)
- Giá giảm, volume giảm (giá giảm nhưng số lượng nđt bán ngày càng ít, nhà đầu tư có thể tìm kiếm mức hỗ trợ để mua cổ phiếu)



CP Lọc - Hóa dầu Bình Sơn - 1D - UPCOM

●

O24.50 H24.90 L24.00 C24.80 +0.20 (+0.81%)



4.4 Phân tích kỹ thuật

Bốn chỉ báo phổ biến trong PTKT

Trong tài liệu này, ABS sẽ giới thiệu với các nhà đầu tư **4 chỉ báo kỹ thuật** được sử dụng nhiều nhất trong phân tích kỹ thuật:

1. Đường trung bình động – MA

4. Chỉ số biến động chênh lệch hội tụ trung bình trượt - MACD

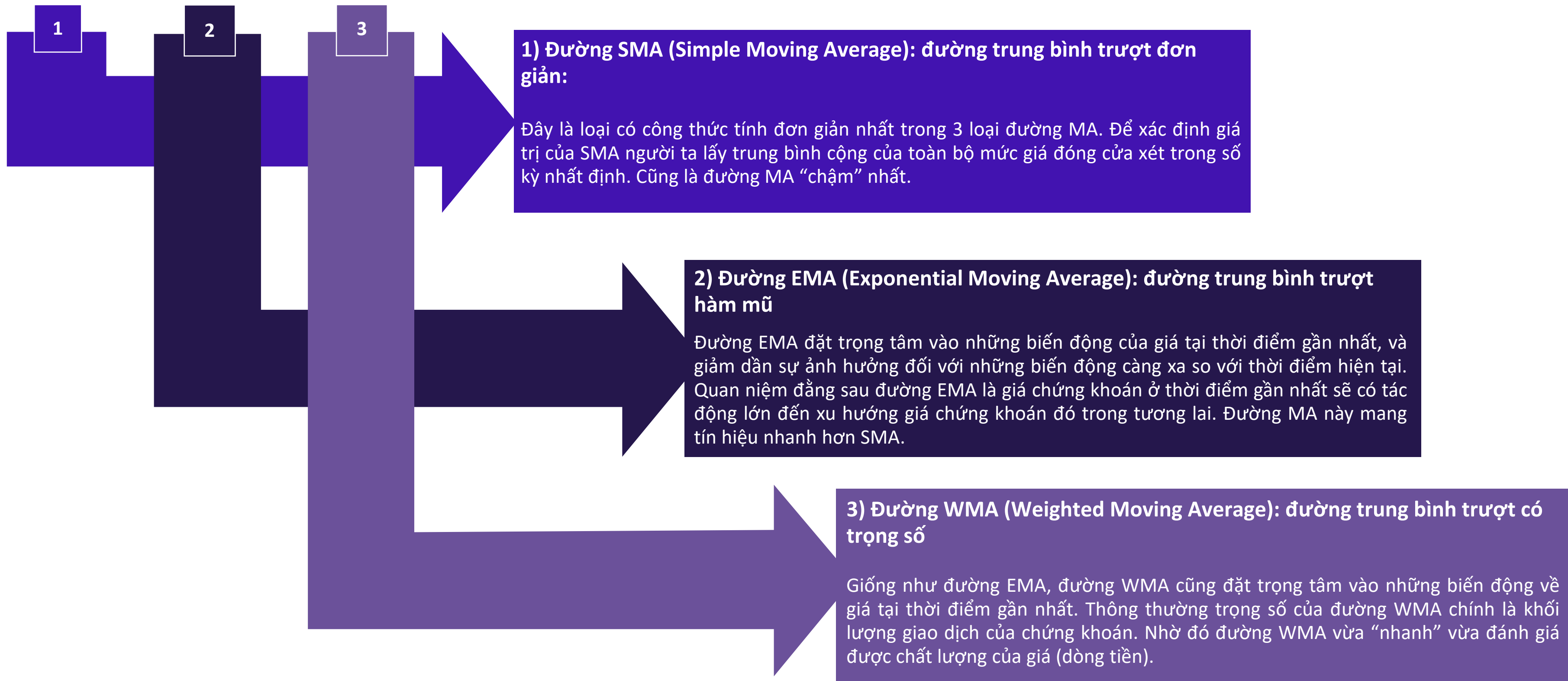
2. Chỉ báo sức mạnh tương đối - RSI

3. Dải Bollinger - Bollinger band

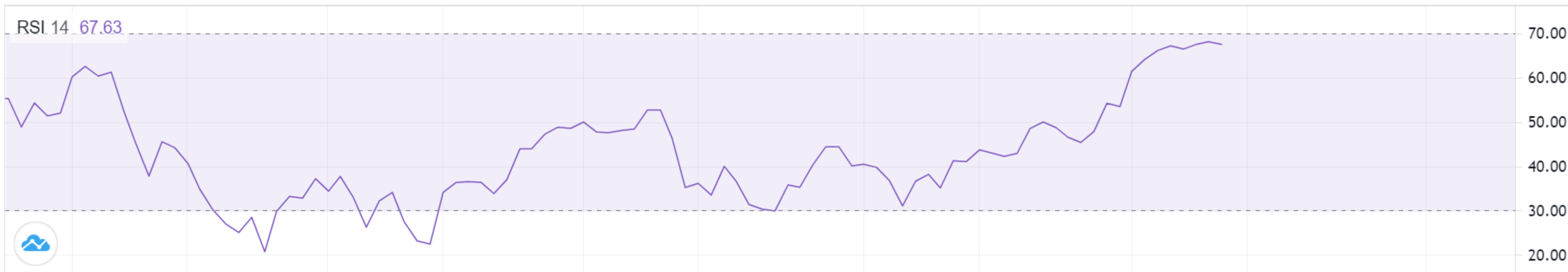
Xác định đường trung bình là cách “làm mượt” biến động giá theo thời gian. Nghĩa là bạn lấy giá trị trung bình của giá đóng trong một khoảng thời gian “x”. Ví dụ: MA10 là trung bình giá đóng cửa trong 10 phiên gần nhất



- Đường trung bình hỗ trợ người sử dụng nhìn nhận được xu hướng của giá trong quá khứ và từ đó hỗ trợ cho người sử dụng xác định được xu hướng của giá trong tương lai. Cũng chính vì thế, MA là chỉ báo “chậm”, tức là khi giá đã tạo đỉnh xong rồi thì đường MA mới tạo đỉnh.
- Tuy đưa tín hiệu chậm nhưng MA chỉ được ra xu hướng của giá tương đối chính xác do đã loại bỏ được các ảnh hưởng ngắn hạn gây nhiễu. Đường MA trong chu kỳ càng dài thì càng “chậm” và loại được càng nhiều ảnh hưởng nhiễu ngắn hạn.



- Chỉ số RSI dùng để đo sức mạnh hoặc độ yếu tương đối của một loại chứng khoán khi nó tự so sánh với chính nó trong một khoảng thời gian nhất định (thường dùng là 14 ngày). RSI là một công cụ đo dao động (oscillator) có biên trên và biên dưới dao động 0-100. Đường trung bình nằm giữa màu xám 50.



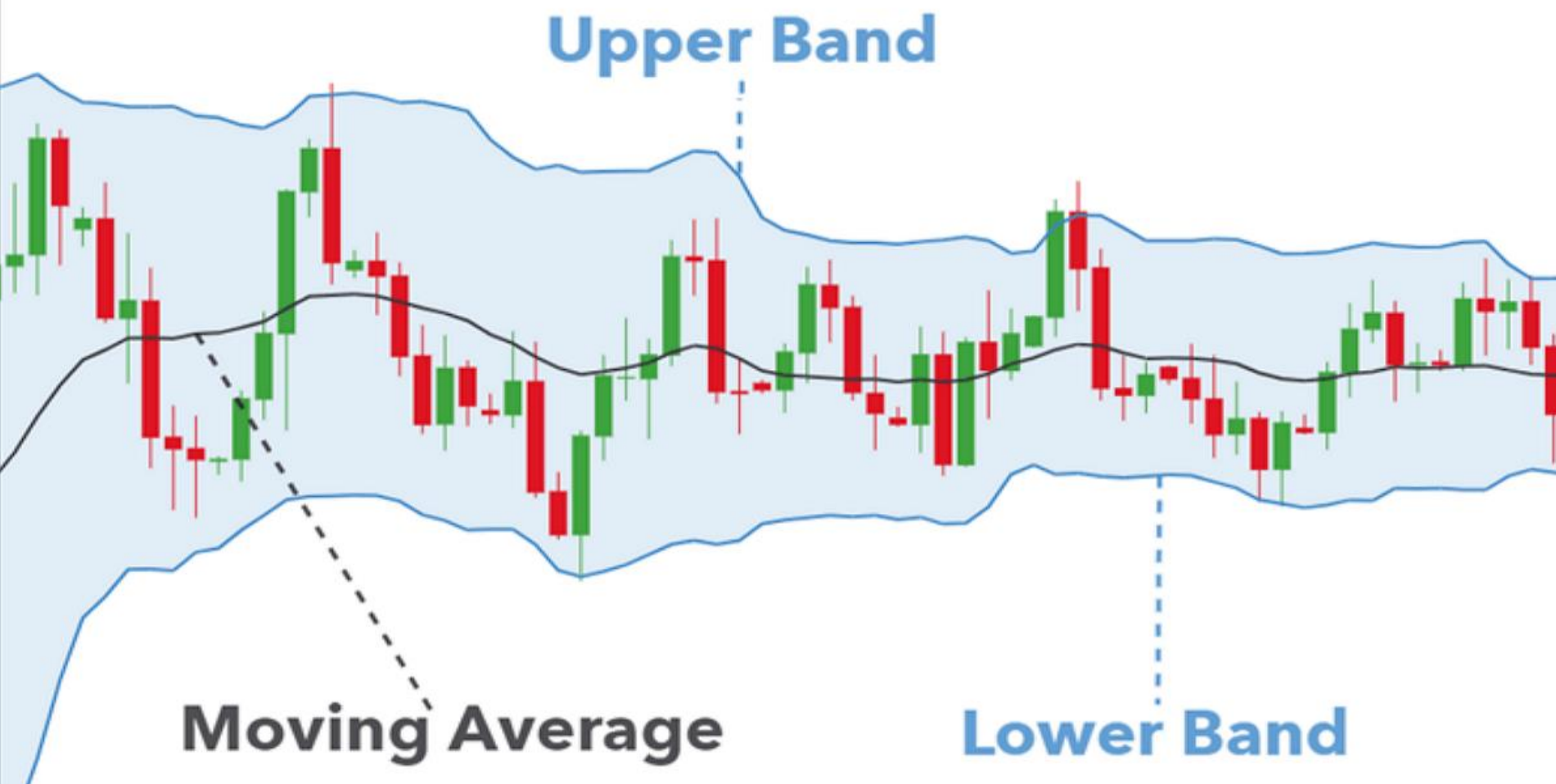
Chỉ báo RSI có 3 vùng chính:

- Vùng từ 30 – 70:** vùng lưỡng lự. Khi RSI đi ngang vùng này nghĩa rằng cả giá và khối lượng của cổ phiếu đi ngang, cho một xu hướng không rõ ràng của cổ phiếu.
- Vùng trên 70:** vùng quá mua. Khi RSI ở trên vùng 70 cho thấy chứng khoán đã được đẩy giá lên mức đỉnh (quá mua) và tiềm ẩn rủi ro giảm.
- Vùng dưới 30:** vùng quá bán. Khi RSI ở dưới vùng 30 cho thấy chứng khoán đã bị bán gần chạm đáy (quá bán) và tiềm ẩn khả năng tăng trở lại.

Ví dụ: Tương quan giữa RSI và giá



3. DẢI BOLLINGER - BOLLINGER BAND



- **Đường giá xuống dải Bollinger dưới:** tín hiệu mua được hình thành khi đường giá xuống và chạm dải Bollinger dưới thì khả năng bật lên lại của đường giá sẽ có thể xuất hiện.
- **Đường giá lên dải Bollinger trên:** tín hiệu bán được hình thành khi đường giá lên và chạm dải Bollinger trên thì khả năng bật xuống lại của đường giá sẽ có thể xuất hiện.

Ví dụ: Dao động của giá cổ phiếu trong dải Bollinger Band



4. CHỈ SỐ BIẾN ĐỘNG CHÊNH LỆCH HỘI TỤ TRUNG BÌNH TRƯỢT- MACD

Đường MACD được tính bằng độ chênh lệch giữa 2 trung bình trượt số mũ. Thông thường đó là 2 trung bình trượt số mũ của 2 chu kỳ 12 ngày và 26 ngày.

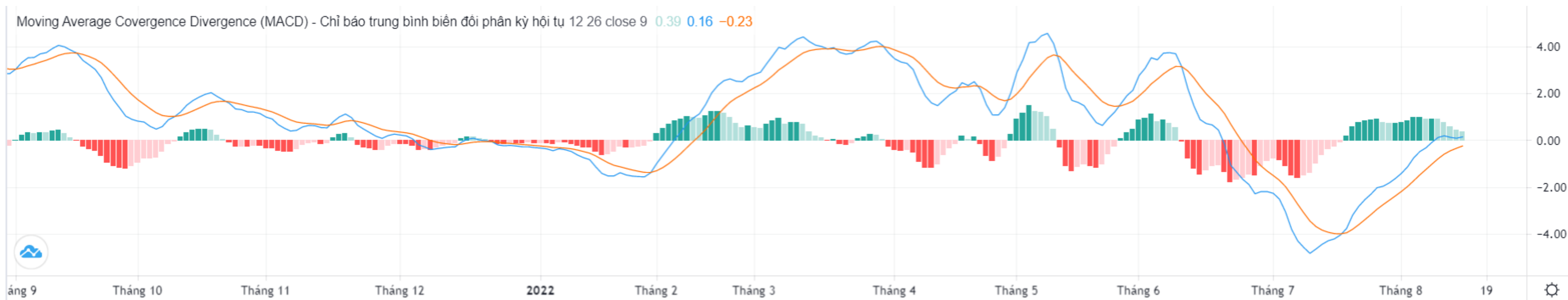
Cấu tạo của chỉ báo MACD:

Đường MACD = EMA (12) – EMA (26)

Đường Signal: Đây chính là đường EMA (9) của đường MACD

Histogram = Đường MACD – Đường Signal

Thông thường, đường màu xanh là đường MACD và đường màu đỏ là đường Signal



Các tín hiệu khi sử dụng chỉ báo MACD

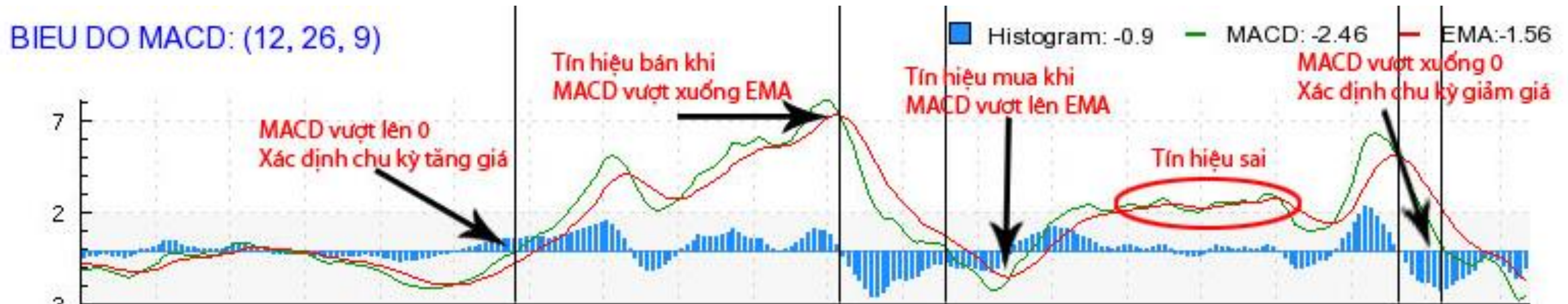
Tín hiệu mua: Tín hiệu mua xuất hiện khi đường MACD cắt và nằm phía trên đường zero.

Tín hiệu bán: Khi MACD cắt và nằm phía dưới đường zero thì tín hiệu bán xuất hiện

Những tín hiệu cảnh báo này thường xuất hiện rất trễ. Nếu sử dụng sự giao cắt của đường tín hiệu và đường MACD thì tín hiệu mua bán sẽ xuất hiện sớm và nhanh hơn.

Tín hiệu mua: Xuất hiện khi đường MACD cắt và nằm phía trên đường tín hiệu của MACD.

Tín hiệu bán: xuất hiện khi đường MACD cắt và nằm phía dưới đường tín hiệu của MACD.



- Mỗi chỉ báo kỹ thuật có ưu, nhược điểm riêng. Do đó Nhà đầu tư không nên sử dụng chỉ báo kỹ thuật một cách riêng lẻ mà nên kết hợp một cách hợp lý để có được hiệu quả sử dụng tốt nhất.
- Tích lũy thêm kiến thức về phân tích kỹ thuật trong chuyên mục đào tạo tại Website ABS: <https://www.abs.vn/phan-tich-ky-thuat/>



TẢI ỨNG DỤNG ABS INVEST LỰA CHỌN HÀNG ĐẦU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ MỚI

- Mở tài khoản đầu tư chỉ 1 phút
 - Sinh lời tối ưu sau 1 đêm
- Cập nhật kiến thức đầu tư, tài chính mỗi ngày ngày

